



**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC**



TÀI LIỆU
PHIÊN HỘI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hà Nội, tháng 06 năm 2021

TÀI LIỆU
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
1	Chương trình nghị sự	3 - 4
2	Quy chế tổ chức và thể lệ biểu quyết tại Đại hội	5 - 14
3	Báo cáo của Giám đốc về hoạt động năm 2020 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021	15 - 25
4	Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	26 - 31
5	Báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	32 - 35
6	Báo cáo tài chính năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	36 - 45
7	Báo cáo tiền lương, thù lao và các lợi ích khác năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, trình dự toán cho năm 2021	46
8	Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	47 - 88
9	Tờ trình về việc thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	89 - 125
10	Tờ trình về việc thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	126 - 140
11	Tờ trình về việc thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	141 - 151
12	Tờ trình về việc thông qua chủ trương ký kết các hợp đồng giao dịch, mua bán với cổ đông lớn - Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí và ủy quyền cho Giám đốc ký kết các giao dịch, hợp đồng	152
13	Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT xây dựng và phê duyệt Chiến lược phát triển, Phương án tái cơ cấu Công ty.	152
14	Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.	154 - 160
15	Tờ trình về việc bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026	161 - 162

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: Dự kiến từ 13h30 ngày 22 tháng 06 năm 2021

TT	Thời gian	Nội dung
1	13h00 - 13h30	Tiếp đón Đại biểu
2	13h30 - 13h35	Khai mạc phiên họp, giới thiệu Đại biểu
3	13h35 - 13h45	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
		Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, Thư ký, Ban Bầu cử và kiểm phiếu
4	13h45 - 14h00	Thông qua Chương trình nghị sự
		Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội
5	14h00 - 14h10	Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2021
6	14h10 - 14h20	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021
7	14h20 - 14h30	Báo cáo tài chính năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021
8	14h30 - 14h35	Báo cáo tiền lương, thù lao và các lợi ích khác năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, trình dự toán cho năm 2021
9	14h35 - 14h45	Báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
10	14h45 - 14h50	Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
11	14h50 - 14h55	Tờ trình về việc thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
12	14h55 - 15h00	Tờ trình về việc thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
13	15h00 - 15h05	Tờ trình về việc thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
14	15h05 - 15h10	Tờ trình về việc thông qua chủ trương ký kết các hợp đồng giao dịch, mua bán với cổ đông lớn - Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí và ủy quyền cho Giám đốc ký kết các giao dịch, hợp đồng
15	15h10 - 15h15	Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT xây dựng và phê duyệt Chiến lược phát triển, Phương án tái cơ cấu Công ty.
16	15h15-15h25	Thảo luận, trả lời chất vấn của cổ đông
16	15h15 - 15h20	Bỏ phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội
17	15h20 - 15h30	Nghỉ giải lao
18	15h30 - 15h45	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề tại Đại hội
19	15h45 - 16h15	Bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026
		- Thông qua Quy chế bầu cử;
		- Thông qua Tờ trình về danh sách bầu cử.
		- Ban kiểm phiếu phổ biến cách thức biểu quyết
		- Đại hội tiến hành biểu quyết
21	16h15 - 16h20	Công bố kết quả kiểm phiếu Bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026

TT	Thời gian	Nội dung
22	16h20 - 16h30	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 ra mắt ĐHĐCĐ
23	16h30 - 16h45	Phát biểu của Lãnh đạo Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
24	16h45 - 17h00	Thông qua dự thảo Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội
25	17h00	Bế mạc phiên họp

PHẦN 1
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(Đại hội trực tuyến và biểu quyết bằng phương thức Bỏ phiếu điện tử)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này quy định về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2021 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc bằng hình thức Đại hội trực tuyến và biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ĐHĐCĐ trực tuyến, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Công ty hoặc PVFCCo North:** Là Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
- **Đại biểu:** Là người sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (PVFCCo North), có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chốt ngày 28/05/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp hoặc người được cổ đông ủy quyền hợp lệ và đã được PVFCCo North cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
- **Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:** Là cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các đại biểu ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp trên hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến.
- **Hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:** Là hệ thống hỗ trợ tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, cung cấp cho đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến.
- **Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến:** Bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi Đoàn Chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến bằng Tài khoản truy cập đã được PVFCCo North cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.
- **Bỏ phiếu điện tử:** Là việc Đại biểu kết nối Internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử

thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do PVFCCo North quy định và thông báo.

- **Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến:** Là việc cổ đông sử dụng thông tin đăng nhập để truy cập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của PVFCCo North.
- **Thông tin đăng nhập:** Bao gồm tên đăng nhập (Username/ID) và mật khẩu (Password) được PVFCCo North cung cấp duy nhất cho từng cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền tại Thư mời họp hoặc email, số điện thoại của cổ đông/người được cổ đông ủy quyền.
- **Yếu tố định danh** Là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
- **Xác thực:** Là để kiểm tra, xác minh các thông tin của đối tượng có đúng là những thông tin mà đối tượng cung cấp, hoặc khai báo.
- **Bầu dồn đều phiếu:** Là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu có thể dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.
- **Bầu ghi số:** Là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện.
- **Thời gian mở Hệ thống trực tuyến:** Là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu, đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và có thể biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.
- **Thời gian đóng Hệ thống trực tuyến:** Là thời điểm Hệ thống trực tuyến đóng truy cập, biểu quyết,... theo thông báo của Chủ tọa Đại hội.

Các từ viết tắt có ý nghĩa như sau: ĐHĐCĐ/Đại hội: Đại hội đồng cổ đông; HĐQT: Hội đồng quản trị; BKS: Ban Kiểm soát.

- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của PVFCCo North.

Điều 3. Điều kiện tổ chức Đại hội trực tuyến:

Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến nếu đánh giá thấy việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến

4.1. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội: Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền tham dự Đại hội hoặc ủy quyền hợp lệ cho người khác tham dự Đại hội và đã được PVFCCo North cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

4.2. Cổ đông được coi là tham dự Đại hội khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. PVFCCo North thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thư mời họp. Cổ đông chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. PVFCCo North không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.
- Các cổ đông đăng ký tham dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là tham dự và biểu quyết hợp lệ tại Đại hội nếu cổ đông đã hoàn thành việc đăng nhập bằng Tên đăng nhập và mật khẩu do PVFCCo North cung cấp và đã biểu quyết ít nhất một nội dung trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Ban Tổ chức Đại hội thực hiện mở Hệ thống trực tuyến để cổ đông có thể truy cập Hệ thống để đăng ký dự họp, truy cập và đọc tài liệu, biểu quyết từ 08h00 ngày 20/06/2021

4.3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội trực tuyến.

4.3.1. Quyền của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự Đại hội thực hiện tham dự Đại hội trực tuyến thực hiện đăng nhập vào hệ thống trực tuyến tại địa chỉ <https://ezgsm.fpts.com.vn/> để tham dự Đại hội và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

c. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề đang trong thời gian bỏ phiếu của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng, biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua và giữ nguyên hiệu lực của các đợt biểu quyết đã thực hiện.

d. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Theo đó, với đại diện được ủy quyền, nếu bên được ủy quyền không phải cổ đông của PVFCCo North, sau khi nhận được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, PVFCCo North sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên được ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. PVFCCo North cung cấp thông tin đăng

nhập cho đại diện được ủy quyền qua thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông. Cổ đông hoàn toàn chịu trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về PVFCCo North. Người được ủy quyền tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này, chịu sự điều hành của Đoàn Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

4.3.2. Nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền:

- a. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự.
- b. Khi tham dự Đại hội, trang phục của cổ đông phải đảm bảo tính trang trọng, lịch sự.
- c. Cổ đông tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến có nghĩa vụ:
 - Chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.
 - Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: Tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đảm bảo người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại Khoản này tương tự như cổ đông.
 - Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.
 - Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu lý chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

5.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do PVFCCo North chỉ định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự Đại hội: Kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

5.2. Phương thức kiểm tra: Ban Kiểm tra tư cách cổ đông xác nhận tư cách cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản của các cổ đông để làm cơ sở xác minh số cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.

5.3. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Bầu cử và kiểm phiếu.

6.1. Ban Bầu cử và kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các ủy viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua.

6.2. Ban Bầu cử và kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

6.3. Ban Bầu cử và kiểm phiếu có các nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.
- Ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- Tổng hợp và báo cáo Ban Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội, kết quả bầu cử.
- Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu thông qua các nội dung trình Đại hội.
- Báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội
- Bàn giao biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Ban Thư ký Đại hội.
- Cùng Đoàn Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội quyết định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đoàn Chủ tọa giao.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa

7.1. Đoàn Chủ tọa Đại hội do Đại hội biểu quyết thông qua gồm Chủ tọa và một số Ủy viên có chức năng điều hành Đại hội

7.2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của phiên họp theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để phiên họp ĐHĐCĐ diễn ra có trật tự; đáp ứng yêu cầu của Pháp luật, Điều lệ Công ty và mong muốn của cổ đông tham dự Đại hội.

b. Chỉ định Tổ Thư ký và giới thiệu để Đại hội bầu Ban Kiểm phiếu;

c. Hướng dẫn việc thảo luận tại phiên họp;

d. Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;

e. Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

7.3. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

7.4. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

7.5. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, hoặc bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể

trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp hơn với quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ đã được thông qua) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a. Hành vi của những người tham dự Đại hội trực tuyến cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc
- b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Tổ Thư ký

Tổ Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên. Tổ Thư ký có các nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
- Soạn thảo Biên bản Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội;
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

Điều 9. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông đã truy cập hệ thống để đăng ký tham dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết căn cứ theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập Đại hội. Cách thức ghi nhận đại biểu tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được quy định tại khoản 4.2 Điều 4 Quy chế này. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

10.1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.

10.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội.

Điều 11. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

11.1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội.

11.2. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Đoàn Chủ tọa có thể lựa chọn phương pháp điều hành cuộc họp. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội bằng hình thức gửi câu hỏi cho Đoàn Chủ tọa thông qua hệ thống trực tuyến. Thư ký Đại hội có

trách nhiệm lưu lại tên đại biểu, mã đại biểu (nếu có) và nội dung câu hỏi.

11.3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng cổ đông chất vấn tối đa không quá 30 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Thư ký Đại hội ghi nhận và HĐQT trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời gian sớm nhất.

Điều 12. Nguyên tắc cổ đông tham gia bỏ phiếu

12.1. Nguyên tắc chung:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp quyền biểu quyết theo số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và đại diện) của cổ đông.

12.2. Phương thức biểu quyết:

Đại biểu bỏ phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung Chương trình họp. Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” trên Phiếu biểu quyết đã được cài đặt tại Hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả nội dung cần biểu quyết tại một lần biểu quyết, đại biểu nhấn “Biểu quyết” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống.

12.3. Phương thức bầu cử:

Việc bầu cử Thành viên HĐQT, Thành viên BKS Công ty được thực hiện bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức bầu đôn phiếu.

Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS do Đại hội thông qua.

12.4. Bổ sung nội dung biểu quyết, bầu cử:

Trường hợp chương trình họp được bổ sung nội dung do cổ đông/nhóm cổ đông kiến nghị đã được ĐHCĐ thông qua, đại biểu có thể tiến hành biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu các đại biểu không tiến hành biểu quyết, bầu cử bổ sung thì được coi là không biểu quyết với những nội dung này.

12.5. Thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử:

Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử nhiều lần nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết/ bầu cử. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc thời gian bỏ phiếu từng lần theo quy định.

Điều 13. Thực hiện bỏ phiếu điện tử

13.1. Thời điểm biểu quyết, bầu cử:

a. Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử được thực hiện là 02 (hai) ngày trước ngày khai mạc Đại hội từ 08h00 ngày 20/06/2021 đến khi Chủ tọa thông báo kết thúc việc bỏ phiếu.

b. Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi ĐHĐCĐ diễn ra và/hoặc tại ĐHĐCĐ. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm mở Hệ thống trực tuyến đến thời điểm kết thúc biểu quyết theo thông báo của Đoàn Chủ tọa.

13.2. Cách thức biểu quyết, bầu cử:

a. Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4.3.2 Điều 4 Quy chế này. Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thư mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.

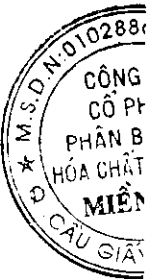
b. Đối với các nội dung biểu quyết thay đổi hoặc phát sinh trong thời gian tổ chức Đại hội, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết bổ sung cho những nội dung thay đổi, phát sinh đó. Kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông là tổng hợp kết quả biểu quyết được ghi nhận tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Chủ tọa thông báo tại ĐHĐCĐ. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông không thể thực hiện biểu quyết đối với nội dung đã bị khóa. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban Kiểm phiếu báo cáo Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

d. Trước khi thời hạn biểu quyết, bầu cử kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu, bầu cử của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết, bầu cử chung đối với từng nội dung do Đoàn Chủ tọa hoặc Ban Bầu cử và kiểm phiếu công bố.

c. Khi điều hành Đại hội, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến có thể liên hệ về các địa chỉ hỗ trợ nêu tại Thông báo mời họp để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

13.3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết, bầu cử: Phiếu biểu quyết, bầu cử hợp lệ là phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông có tham gia biểu quyết, bầu cử và có chọn phương án biểu quyết, bầu cử và hoàn thành việc gửi trên hệ thống trực tuyến.

Trường hợp cổ đông đăng nhập thành công để tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không lựa chọn ý kiến nào (không đánh dấu chọn vào ô nào) sẽ được hiểu là cổ đông từ chối quyền và không tham dự biểu quyết, bầu cử tại nội dung đó; số phiếu của cổ đông này không được cộng vào tổng số phiếu tham gia biểu quyết của nội dung không đánh dấu.



Điều 14. Kết quả bỏ phiếu điện tử

14.1. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hệ thống phần mềm của PVFCCo North.

14.2. Ban Bầu cử và kiểm phiếu là người tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

Điều 15. Thông qua Nghị quyết của Đại hội

15.1. Các Nghị quyết về các nội dung trình ĐHĐCĐ được thông qua khi được số đại biểu đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các đại biểu họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

15.2. Nghị quyết về nội dung Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVFCCo North được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

15.3. Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Người trúng cử Thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được Đại hội thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT/BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại Quy chế Bầu cử.

Điều 16. Biên bản Đại hội

16.1. Phiên họp ĐHĐCĐ phải được ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên của Chủ tọa và Thư ký ;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ

45
TY
IN
N.V
ĐẦU
BẮC
- TP

phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.

16.2. Biên bản Đại hội phải hoàn thành và thông qua trước khi Đại hội kết thúc.

16.3. Chủ tọa và Thư ký Đại hội liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản Đại hội.

Biên bản Đại hội được đăng tải lên trang thông tin điện tử của PVFCCo North trong vòng 24h kể từ khi kết thúc cuộc họp.

Biên bản Đại hội, phục lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Trường hợp tổ chức Đại hội không thành công

17.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;

17.2. Trường hợp Đại hội triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, ĐHCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 18. Ngày hiệu lực

18.1. Quy chế này gồm 4 Chương, 18 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHCĐ biểu quyết thông qua.

18.2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.

18.3. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền, tổ chức đại diện và những người tham dự Đại hội trực tuyến của PVFCCo North có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
NICH HĐQT**



Nguyễn Thị Hồng Dung

PHẦN 2

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

A. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

I. Tổng quan thị trường năm 2020

1. Bối cảnh chung liên quan đến hoạt động kinh doanh

Năm 2020 ghi nhận là một năm đặc biệt khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và lĩnh vực kinh doanh phân bón nói riêng bởi quá nhiều yếu tố bất thường chưa từng có liên tiếp xảy ra. Thời tiết bất lợi và diễn biến phức tạp của dịch Covid 19 cũng như việc triển khai các biện pháp giãn cách xã hội đã tạo nên những rào cản lớn trong việc lưu thông hàng hóa, cũng như việc triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ bán hàng trong hệ thống phân phối phân bón. Theo thống kê sơ bộ, nhu cầu sử dụng phân bón năm 2020 giảm khoảng 20 - 25%, hầu hết các đơn vị SXKD phân bón khu vực phía Bắc đều ghi nhận các chỉ tiêu SXKD sụt giảm mạnh so với năm 2019.

Tình trạng dư cung trong bối cảnh nhu cầu giảm luôn hiện hữu khiến các đơn vị sản xuất phải đối mặt với áp lực tài chính và hàng tồn kho. Rất nhiều nhà máy sản xuất phân bón tại khu vực miền Bắc bắt buộc phải chấp nhận kết quả kinh doanh liên tục thua lỗ vẫn triển khai hàng loạt các chính sách bán hàng phi thị trường (nền giá liên tục duy trì ở mức thấp không phụ thuộc vào giá thế giới; tăng chiết khấu/khuyến mại giảm giá, tiến hành gửi kho ồ ạt kể cả thời điểm chính vụ) nhằm duy trì hoạt động của đơn vị và tranh giành thị phần.

Các sản phẩm NPK cao cấp cạnh tranh gay gắt do sự gia nhập thị trường của các nhà sản xuất mới, phân bón NPK cao cấp nhập khẩu và một số đơn vị sản xuất phía Nam tích cực đưa hàng ra phía Bắc tiêu thụ bất chấp diễn biến giảm về nhu cầu của thị trường. Đặc biệt những đơn vị nhập khẩu tận dụng lợi thế do chính sách VAT mang lại liên tục nhập hàng về ồ ạt với công thức, mẫu mã đa dạng cùng chính sách bán hàng hấp dẫn khiến thị trường càng trở nên hỗn loạn.

Nhiều mặt hàng nông sản chủ lực rơi vào tình trạng mất mùa, mất giá hoặc không có thị trường tiêu thụ khiến rất nhiều vùng chuyên canh cây ăn trái phải chuyển đổi sang trồng cây lâu năm, ít phải đầu tư chăm bón. Việc các đơn vị kinh doanh phân bón chuyển dịch hình thức bán hàng từ đầu tư trả chậm sang thu tiền ngay nhằm hạn chế rủi

ro đang là trở thành xu thế đặc biệt tại những vùng chuyên canh cây giá trị kinh tế cao.

2. Những thuận lợi và khó khăn chủ yếu

➤ Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, chỉ đạo sát sao từ Tổng công ty, sự ủng hộ của các cổ đông, các bạn hàng truyền thống và các đối tác cung cấp dịch vụ khác. Đặc biệt đa phần các nhà phân phối tiếp tục đồng hành chia sẻ khó khăn với Công ty trong điều kiện kinh doanh không thuận lợi cũng như tỷ suất lợi nhuận trong ngành giảm liên tục trong nhiều năm.

Chính sách bán hàng của Tổng công ty có những điều chỉnh linh hoạt phù hợp với diễn biến thị trường vùng miền, hỗ trợ Công ty trong việc duy trì sức cạnh tranh của sản phẩm; các chương trình khuyến mãi, xúc tiến thương mại cơ bản đã tạo được hiệu ứng tốt, được khách hàng ghi nhận.

Hình ảnh, thương hiệu của phân bón Phú Mỹ được người tiêu dùng chấp nhận đặc biệt về hàm lượng dinh dưỡng như cam kết.

Nguồn vốn được đảm bảo đủ và kịp thời cho hoạt động kinh doanh.

Giá cả một số mặt hàng nông sản như: Ngô, mía, gạo...được cải thiện vào cuối năm 2020 cũng là những tín hiệu tốt cho thị trường.

➤ Khó khăn

Cũng giống như khó khăn mà đa phần các doanh nghiệp phân bón phải đối mặt, chính là biến động về nguồn cung, thời tiết và dịch bệnh.

Diễn biến thời tiết bất lợi diễn ra vào đúng 2 thời điểm chính vụ của miền Bắc: Mưa đá, mưa axit tại khu vực miền núi phía Bắc trong giai đoạn lúa vụ Đông Xuân; hạn hán thời điểm vụ Hè Thu và bão, lũ trên diện rộng với cường độ mạnh chưa từng có trong nhiều năm qua tại các tỉnh miền Trung gây ảnh hưởng nặng nề tới sản xuất nông nghiệp của khu vực Bắc Trung bộ, đây đều là những địa bàn tiêu thụ trọng điểm của Công ty. Thời tiết diễn biến xấu làm giảm nhu cầu sử dụng cũng như gây ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của các đơn vị sản xuất kinh doanh phân bón.

Các nhà máy sản xuất phân bón lớn tại khu vực phía Bắc chịu áp lực phải duy trì sản xuất nên đưa ra rất nhiều chính sách bán hàng khác nhau, việc này gây nhiễu thị trường phân bón tại miền Bắc, kèm theo đó là nhiều diễn biến tiêu cực.

Dịch viêm phổi cấp Covid-19 diễn biến phức tạp kéo dài gần như suốt năm 2020

đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động của hệ thống phân phối phân bón.

Hệ thống phân phối các cấp có xu hướng dịch chuyển phương thức kinh doanh từ bán đầu tư sang bán thu tiền ngay khiến thị phần của Phú Mỹ cũng bị ảnh hưởng.

Hoạt động kinh doanh khó khăn do nhu cầu giảm dẫn đến lượng hàng tồn kho trong hệ thống luôn duy trì ở mức cao, công nợ kéo dài trong khi tỷ suất lợi nhuận ngày càng giảm đã gây khó khăn cho không ít bạn hàng. Đã có những Nhà phân phối truyền thống lâu năm không chịu nổi các áp lực phải ngừng hợp tác với Công ty.

Mặc dù có nhiều nỗ lực cải tiến, thay đổi nhưng nhìn chung chất lượng sản phẩm phân bón Phú Mỹ còn nhiều vấn đề gây khó khăn cho hoạt động bán hàng của hệ thống.

II. Những hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh năm 2020

Trước tình hình thị trường phân bón thế giới biến động khó lường, thị trường phân bón trong nước cạnh tranh cao, những diễn biến khó lường của thời tiết và tình hình dịch CoVid-19, công tác tổ chức kinh doanh của Công ty tập trung vào nhiệm vụ giữ vững thị phần, củng cố hệ thống phân phối và ổn định chất lượng sản phẩm. Một vài nét chính:

1. Công tác thông tin, dự báo thị trường: Thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường trong và ngoài nước; tổ chức hệ thống thông tin xuyên suốt từ Ban Giám đốc tới các CBKD và Nhà Phân phối. Việc cập nhật tin tức kịp thời giúp Công ty đưa ra những quyết sách phù hợp trong hoạt động kinh doanh tại mọi thời điểm.

2. Hệ thống phân phối: Công tác quản lý hệ thống phân phối tiếp tục được chú trọng và hoàn thiện. Công ty thường xuyên rà soát, đánh giá và củng cố, phát triển hệ thống phân phối theo hướng bền vững. Bổ sung các Nhà Phân phối có tâm huyết, kinh nghiệm và tiềm lực về tài chính, đồng hành cùng Công ty kể cả trong những thời điểm thị trường khó khăn.

Trong năm 2020, đặt trong bối cảnh thị trường tiếp tục có những thay đổi không thuận lợi cho kinh doanh phân bón nói chung và hệ thống phân bón Phú Mỹ nói riêng, Công ty cũng đã cùng toàn bộ Nhà phân phối tổ chức các hội nghị để cùng tìm kiếm giải pháp duy trì và ổn định thị phần Phú Mỹ trong từng giai đoạn cụ thể. Các bên đã cùng nhau thảo luận, thống nhất đưa ra những cam kết, chính sách lớn làm cơ sở tiếp tục đồng hành trong nhiều năm tiếp theo.

3. Công tác hậu cần: Phối hợp với Tổng công ty điều độ hàng ra các kho, cảng,

đảm bảo tính hợp lý và tiết giảm tối đa chi phí. Tiếp tục triển khai hiệu quả phương án giao hàng bằng container và đóng dấu mã vùng cho các Nhà Phân phối.

Công ty đã đầu tư Hệ thống máy vận đập tại các kho cảng nhằm cải thiện chất lượng, giảm thiểu tối đa khiếu nại của khách hàng. Thường xuyên tìm kiếm các nhà cung cấp dịch vụ có uy tín trên địa bàn để tăng khả năng cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ.

4. Công tác xúc tiến thương mại (XTTM), Bán hàng: Tiếp tục triển khai hiệu quả các hoạt động quảng bá sản phẩm, lồng ghép các chương trình chăm sóc khách hàng với hoạt động thi đua tiêu thụ sản phẩm phân bón Phú Mỹ. Việc thực hiện và phân bổ các nguồn lực cho hoạt động XTTM trên cơ sở đề xuất của khách hàng và kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đăng ký, đảm bảo hiệu quả và hỗ trợ tối ưu cho công tác bán hàng.

Trong năm 2020 trong bối cảnh thực hiện các hoạt động XTTM truyền thống gặp nhiều khó khăn (do dịch bệnh, thiên tai), các hoạt động thay thế, chương trình bán hàng trực tiếp, tặng phân bón dùng thử, thi đua bán hàng theo đợt được hệ thống ghi nhận và có những đóng góp hiệu quả vào kết quả kinh doanh.

5. Hoạt động đầu tư, mua sắm: Công tác quản lý đấu thầu, mua sắm tài sản, hàng hóa, trang thiết bị phụ vụ nhu cầu kinh doanh và đầu tư trong toàn Công ty được triển khai, thực hiện đúng với các quy định, quy trình của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật hiện hành. Công tác mua sắm tài sản, trang thiết bị thực hiện đúng nhu cầu, sự cần thiết dựa trên kế hoạch đã được phê duyệt đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, tiết kiệm và hiệu quả. Nhiều thiết bị ngay sau khi đầu tư đã đi vào hoạt động mang lại hiệu quả tốt như hệ thống máy vận đập tại các kho cảng, băng tải mới tại kho Hải Phòng.

6. Công tác quản lý tài chính: Tổ chức và thực hiện công tác tài chính kế toán theo đúng các quy định hiện hành, đảm bảo an toàn về tài chính, không có các khoản nợ xấu, nợ khó đòi. Quản lý và sử dụng dòng tiền hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Khẳng định đến thời điểm này Công ty không có nợ xấu, nợ khó đòi cũng như tạo lập được thói quen kinh doanh phân bón lành mạnh về tài chính của hệ thống phân bón Phú Mỹ tại miền Bắc.

7. Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp: PVFCCo North (mã chứng khoán PMB) luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty, thực hiện chế độ báo cáo Tổng công ty theo quy chế Người đại diện và các quy định về công bố thông tin. Hệ thống báo cáo quản trị của Công ty luôn đảm bảo đầy đủ, công khai, minh bạch và kịp thời theo đúng chỉ đạo của Tổng công ty.

Thực hiện chủ trương tái cấu trúc, rà soát lao động của Tổng công ty cũng như dựa trên yêu cầu về quản lý và tổ chức triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển, Công ty đã tiến hành tái cấu trúc toàn diện bộ máy của Công ty, trong đó tập trung chủ yếu vào 02 nội dung: Tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức và tái cấu trúc nguồn nhân lực. Theo đó Công ty đã thống nhất đề ra chương trình hành động trong thời gian tới nhằm mục tiêu nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tăng cường trách nhiệm quản lý giám sát việc sử dụng nguồn lao động tại các phòng trong Công ty đảm bảo không làm tăng định biên lao động của Công ty.

8. Công tác nhân sự và đào tạo: PVFCCo North luôn chú trọng xây dựng đội ngũ CBCNV đáp ứng yêu cầu về quản lý, sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển chung của Tổng công ty cũng như Công ty. Thường xuyên rà soát, sắp xếp bố trí và đào tạo nhân sự theo hướng khai thác tối đa nguồn lực nội bộ, tập trung ưu tiên cho bộ phận kinh doanh, thị trường. Hoạt động đào tạo và tự đào tạo được thường xuyên thực hiện liên tục, trong năm Công ty đã tổ chức 96 lượt đào tạo tại chỗ và 209 lượt đào tạo từ bên ngoài.

Công ty đã xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và ban hành các Quy định, Quy chế về công tác cán bộ, tuyển dụng, đào tạo và tiền lương, thể hiện sự quan tâm cao của Doanh nghiệp đến lợi ích của người lao động trong khuôn khổ Pháp luật hiện hành, nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy sáng tạo, đoàn kết xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

9. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: PVFCCo North đã tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính và nâng cao năng lực bộ máy quản lý, điều hành nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty và Công ty trong giai đoạn mới. Xây dựng chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và đã được toàn thể CBCNV trong Công ty hưởng ứng thực hiện.

III. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

1. Kết quả

Một số chỉ tiêu chính về kết quả kinh doanh năm 2020:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/ TH 2019	% TH/ KH
1	Sản lượng	Tấn	185.105	224.000	194.978	105%	87%
	- Đạm Phú Mỹ	Tấn	140.026	165.000	149.773	107%	91%
	- NPK Phú Mỹ	Tấn	20.137	34.000	19.141	95%	56%
	- Kali Phú Mỹ	Tấn	22.145	25.000	25.027	113%	100%
	- Các loại phân bón khác	Tấn	2.798	-	1.038	37%	-
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.382,56	1.717,59	1.300,85	94%	76%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,29	10,90	11,04	72%	101%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,18	8,72	8,79	72%	101%

2. Đánh giá chung

Trải qua 10 năm hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất Dầu khí miền Bắc (Công ty) ngày càng phát triển với những giá trị bền vững, kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành. Tổng kết năm 2020 thực sự là một năm khó khăn trong ngành nông nghiệp trong nhiều năm trở lại đây bao gồm cả người nông dân, hệ thống phân phối và các nhà cung ứng. Tuy nhiên, với Công ty đến thời điểm này vẫn đạt hiệu quả về mặt lợi nhuận, không có nợ xấu, nợ khó đòi. Đa phần các nhà phân phối và hệ thống dù gặp nhiều khó khăn nhưng cơ bản vẫn đảm bảo hiệu quả khi kinh doanh bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ. Thương hiệu và hệ thống phân bón Phú Mỹ tiếp tục được thị trường ghi nhận là địa chỉ tin cậy, có uy tín và chuyên nghiệp.

B. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021

So với cùng kỳ các năm trước, thời tiết trong Quý I tại khu vực miền Bắc được đánh giá là thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, cùng với đó là giá cả nông sản tăng cao giúp cải thiện tâm lý tái đầu tư của nông dân. Tuy nhiên, giá các mặt hàng Đạm tăng cao khiến người nông dân có xu hướng chuyển sang sử dụng phân phức hợp, hàm lượng thấp chăm bón nhằm giảm giá thành đầu tư, từ đó gián tiếp làm giảm nhu cầu đối với phân đơn. Do ảnh hưởng từ giá thế giới, thị trường phân bón miền Bắc các tháng đầu năm có những diễn biến tương đối tích cực. Giá các mặt hàng phân bón liên tục tăng cao trong bối cảnh ngành nông nghiệp bước vào giai đoạn chăm bón chính của vụ Đông -

Xuân giúp các Nhà phân phối có được những kết quả kinh doanh thuận lợi.

Dịch bệnh Covid-19 tái vùng phát tại một số địa phương vào giai đoạn ngay trước Tết Nguyên đán cũng ảnh hưởng phần nào đến khả năng giao thương cũng như vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là nông sản, gây thiệt hại lớn đến nông dân tại một số tỉnh như Hải Dương, Quảng Ninh, Hưng Yên... Tại thị trường miền Bắc, với đặc điểm thời gian mùa vụ ngắn, cạnh tranh khốc liệt nên nếu thiếu hụt hàng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thực hiện kế hoạch của Công ty. Do đó trong năm 2021, hướng tới mục tiêu đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh đã được Tổng công ty giao cho, đồng thời góp phần tăng trưởng doanh thu, thị phần, tận dụng lợi thế của hệ thống phân phối và chia sẻ các chi phí bộ máy, cũng như từng bước tham gia một cách bình đẳng vào thị trường phân bón phía Bắc, Công ty miền Bắc sẽ nghiên cứu chủ động tìm kiếm nguồn hàng bổ trợ, xây dựng phương án khai thác và kinh doanh thêm các sản phẩm tự doanh bên cạnh các sản phẩm chủ lực của Tổng công ty.

Năm 2021, PVFCCo North phấn đấu hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ sau:

I. Mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm 2021

1. Mục tiêu: Khắc phục cơ bản khó khăn, tồn tại và hậu quả năm 2020; Ổn định, phát triển thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh để đạt và vượt các chỉ tiêu chính sau đây:

- Tổng sản lượng tiêu thụ : 216.000 tấn
- Tổng doanh thu : 1.537,72 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 10,30 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 8,24 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức : 6,5%

2. Những nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

- a) Đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, tiết kiệm: Tập trung mọi nguồn lực cho công tác bán hàng, phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021.
- b) Xây dựng kế hoạch kinh doanh phân bón Phú Mỹ năm 2021 sát thực tế: Bám sát nhu cầu thị trường và định hướng thị phần tại vùng tiêu thụ để cùng Nhà phân phối xây dựng kế hoạch khả thi.
- c) Nâng cao vị thế, uy tín thương hiệu sản phẩm phân bón Phú Mỹ tại thị trường miền Bắc.

- d) Chủ động khai thác kinh doanh hàng tự doanh nhằm đảm bảo nguồn hàng, tham gia đầy đủ vào hoạt động thị trường phân bón phía Bắc, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, bảo toàn vốn và gia tăng doanh thu, lợi nhuận.
- e) Tiếp tục hoàn thiện chính sách kinh doanh đặc biệt là với sản phẩm NPK Phú Mỹ, phát triển và sàng lọc, định hướng hệ thống phân phối theo hướng tiến dần đến người tiêu dùng cuối cùng. Nâng cao năng lực hậu cần và chất lượng sản phẩm. Tiếp tục phát huy các chính sách XTTM hỗ trợ cho hoạt động bán hàng.
- f) Sắp xếp bố trí lao động trong Công ty và phân công chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phù hợp với yêu cầu công việc trên cơ sở tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có và ưu tiên nguồn lực cho lao động tuyển trước.
- g) Phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, cũng như lợi ích của người lao động.
- h) Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông giao.

II. Các giải pháp

Mặc dù có những dấu hiệu khởi sắc trong giai đoạn đầu năm tuy nhiên thị trường vẫn tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ do tình trạng mất cân đối cung - cầu, có thể xác định rằng năm 2021, Công ty cần nỗ lực tiếp tục vượt khó và tập trung mọi nguồn lực cho công tác bán hàng, phân đấu hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

1. Về công tác quản lý:

- Tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực, nâng cao tỷ trọng lao động trực tiếp theo đúng chủ trương và lộ trình đã đề ra. Sắp xếp, bố trí lao động phù hợp với chức năng nhiệm vụ và yêu cầu công việc trên cơ sở khai thác tối đa nguồn nhân lực hiện tại của Công ty, ưu tiên tối đa cho lao động tuyển trước là cán bộ bán hàng, giao nhận.
- Thường xuyên đánh giá, nâng cao trình độ của đội ngũ kinh doanh thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và hệ thống KPI.
- Tiếp tục duy trì, rà soát và sửa đổi các quy trình theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.
- Cải tiến và áp dụng triệt ứng dụng phần mềm phục vụ công tác quản trị, quản lý.

2. Về công tác kinh doanh:

a) Sản phẩm:

- Đảm bảo chất lượng ổn định, đáp ứng thị hiếu bà con và thị trường. Kiên quyết không đưa ra thị trường các sản phẩm không đảm bảo chất lượng. Tiếp tục duy

trì chính sách cam kết xử lý sản phẩm không phù hợp trong vòng 24h kể từ khi phát hiện sự cố.

- Xây dựng bộ Quy tắc ứng xử đối với các khiếu nại liên quan đến chất lượng sản phẩm thường gặp trên thị trường.
- Bổ sung các dòng công thức NPK hàm lượng dinh dưỡng tầm trung với giá thành hợp lý, chủ yếu cho các loại cây trồng chiếm diện tích canh tác lớn nhưng có giá trị kinh tế thấp.

b) Hệ thống phân phối:

- Tiếp tục đánh giá, sàng lọc, lựa chọn các Nhà phân phối có năng lực tiêu thụ và thiện chí hợp tác với Công ty để xây dựng HTPP bền vững. Định hướng phát triển hệ thống phân phối gắn chặt với vùng tiêu thụ và sát với người tiêu dùng.
- Phân nhóm và áp dụng cơ chế chính sách riêng đối với từng nhóm Nhà Phân phối căn cứ theo tiêu chí đánh giá về mức độ hợp tác, cạnh tranh tại từng khu vực để có các chính sách hỗ trợ, kinh doanh phù hợp.
- Rà soát và cơ cấu lại địa bàn tiêu thụ của từng Nhà phân phối tại mỗi khu vực đồng thời tích cực tìm kiếm mở thêm kênh phân phối để gia tăng sản lượng tiêu thụ.
- Mở rộng kênh bán hàng nguyên liệu nhằm gia tăng cơ hội bán hàng vào thời điểm thấp vụ.

c) Chính sách bán hàng:

- Căn cứ vào yếu tố mùa vụ và đặc tính mua hàng của thị trường miền Bắc để xây dựng các chính sách bán hàng (chính sách giá, chính sách kích cầu tiêu thụ, chính sách hỗ trợ bán...) bám sát thị trường nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và chiếm lĩnh chân hàng tại các khu vực phân phối đặc biệt tại các thời điểm quan trọng của mùa vụ chăm bón từng vùng.
- Cùng Nhà phân phối xây dựng kế hoạch sản lượng cụ thể từng tháng, từng mặt hàng để chủ động trong việc thực hiện và áp dụng các chính sách tại từng thời điểm, đồng thời có kế hoạch điều độ và chuẩn bị hàng hóa sát nhất với nhu cầu mùa vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Thường xuyên nghiên cứu và thực hiện các chính sách đi trước đối thủ tại các thời điểm quan trọng trong năm để tối ưu hoá sản lượng, gia tăng thị phần bằng các chính sách thu hút tài chính từ hệ thống kinh doanh, chính sách mua hàng lượng lớn để hưởng ưu đãi...Gắn liền chính sách bán hàng cùng chính sách xúc tiến thương mại để đảm bảo hiệu quả tối ưu của nguồn lực.

d) Hậu cần:

- Công tác đăng ký lấy hàng, giao tiếp với khách hàng được đẩy mạnh nhằm thông tin đầy đủ cho khách hàng về hàng hoá, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho khách hàng đến đăng ký nhận hàng, hạn chế việc xe hàng phải chờ lâu.
- Triển khai chính sách gửi kho khách hàng đặc biệt trong thời điểm trước vụ để giữ chân hàng, chuẩn bị sẵn sàng nguồn hàng cung cấp nhu cầu mùa vụ đồng thời hạn chế đối thủ xâm nhập thị trường.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ, bổ sung các đơn vị dịch vụ có năng lực để chủ động trong công tác điều độ hàng hóa, đáp ứng yêu cầu kinh doanh. Thực hiện nguyên tắc nhập trước xuất trước trong giao nhận hàng hóa, quản lý chặt, nắm thông tin đến từng lô hàng tại từng kho cảng.
- Sử dụng phần mềm quản lý kho nhằm nâng cao công tác giám sát hàng hóa tại các kho/cảng đầu mối.

e) Xúc tiến thương mại

- Tăng cường các hoạt động, chương trình XTTM trực tiếp đến người tiêu dùng để tiếp cận, quảng bá sản phẩm, thương hiệu đặc biệt tại những vùng đang có sự cạnh tranh gay gắt và thị hiếu sản phẩm chưa cao.
- Thực hiện các chương trình thúc đẩy bán hàng, thi đua, tri ân để gia tăng sản lượng đối với hệ thống khách hàng các cấp nhằm khuyến khích hệ thống kinh doanh, tăng cường tối đa cơ hội ra hàng.
- Đối với các vùng mà sản phẩm đã có thị hiếu, tiếp tục thực hiện đồng bộ các chương trình nhắc lại như thưởng khi đạt sản lượng, mua hàng tặng quà... để kích thích tiêu thụ, tăng cường quảng bá để nâng cao sản lượng và phát triển thị phần.

3. Công tác tài chính kế toán:

- Tăng cường công tác quản lý và sử dụng vốn, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nguồn hàng làm tăng khả năng quay vòng vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu. Ưu tiên nguồn vốn đáp ứng đủ cho yêu cầu hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo an toàn tài chính, kiểm soát rủi ro.
- Tăng cường công tác phân tích, đánh giá hiệu quả các phương án kinh doanh.
- Phối hợp cùng bộ phận kinh doanh trong việc đánh giá “sức khỏe” hệ thống phân phối để có cơ sở đề xuất chính sách phù hợp với từng Nhà phân phối cụ thể.

4. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí:

- Xây dựng chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2021.
- Quản lý và kiểm soát chi phí chặt chẽ ở tất cả các công đoạn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2021 kính báo cáo Đại hội.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

GIÁM ĐỐC



Lương Anh Tuấn



PHẦN 3

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

I. Đánh giá chung hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020

Trong bối cảnh tình hình thị trường phân bón năm 2020 có nhiều bất lợi, mức độ cạnh tranh về giá ngày càng gay gắt. Các đối thủ cạnh tranh đẩy mạnh công tác thị trường tại những vùng trọng điểm nhằm chiếm lĩnh thị phần bằng các chính sách linh hoạt như hỗ trợ giá, hỗ trợ vận chuyển, tổ chức các cuộc hội thảo, gửi kho khách hàng... Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, Công ty đã chủ động tìm kiếm nhiều giải pháp, xây dựng chương trình hành động nhằm khắc phục khó khăn và tận dụng mọi cơ hội để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể:

- Tổ chức hoạt động kinh doanh và đầu tư năm 2020 đạt mục tiêu: An toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- Đảm bảo giữ vững thị phần Urea Phú Mỹ tại những khu vực trọng điểm. Sản phẩm NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ đã có chỗ đứng trên thị trường và đã có khả năng phát triển độc lập.
- Quản lý, xây dựng và phát triển hiệu quả kênh phân phối, đảm bảo bền vững cả về chiều rộng và chiều sâu. Trong đó tập trung vào các yếu tố chính như: đội ngũ kinh doanh, sản phẩm dịch vụ, đại lý cửa hàng và quản lý hệ thống.
- Phương án bố trí sắp xếp nhân sự, cơ cấu tỷ lệ lao động trực tiếp và gián tiếp hợp lý.
- Công tác tiếp thị truyền thông, an sinh xã hội, chăm sóc khách hàng, các hội thảo bán hàng trực tiếp, hội nghị tập huấn về nông nghiệp... cũng được triển khai tốt và mang lại hiệu quả thiết thực.
- Công tác quản lý và sử dụng vốn, đặc biệt là công tác quản lý công nợ được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn về tài chính.
- Công tác tái cấu trúc đã được thực hiện thường xuyên theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả.
- Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nêu cao tinh thần tự giác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của CBNV, và tiết giảm tối đa các chi phí trong mọi mặt hoạt động.
- Công tác an toàn luôn được Công ty quan tâm và đặt lên hàng đầu. Trong năm 2020, Công ty không để xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh. Công tác an ninh, phòng chống cháy nổ luôn được chú trọng.
- Luôn thực hiện đầy đủ các yêu cầu của pháp luật liên quan đến vấn đề môi

trường, cụ thể: quan trắc môi trường định kỳ 2 lần/năm tại các kho trực thuộc; đo kiểm tra chất lượng môi trường lao động tại các đơn vị trực thuộc 1 lần/năm. Các chỉ số đo trong thời gian qua đều nằm trong các giới hạn cho phép.

- Lợi ích của Doanh nghiệp, người lao động và cổ đông luôn đảm bảo, hài hòa.

Trong quá trình triển khai công việc Ban Điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật. Mặc dù một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra tuy nhiên trước bối cảnh tình hình kinh doanh ngày một khó khăn, thách thức, HĐQT nhận thấy Ban Điều hành đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện tốt các chỉ tiêu, kế hoạch ĐHCĐ năm 2020 đã thông qua, thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra.

II. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Dung - Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách
- Ông Lương Anh Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm
- Ông Nguyễn Quang Đoàn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm
- Ông Đoàn Quốc Thịnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm
- Bà Hoàng Thị Thu Hằng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm

1. Về các phiên họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã làm việc chủ yếu thông qua các phiên họp định kỳ và qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định những nội dung chính sau đây:

❖ Quý I/2020

- Ban hành Quy chế Nhà phân phối sản phẩm Phân bón Phú Mỹ.
- Phê duyệt và giao Kế hoạch kinh doanh năm 2020.
- Ban hành Chính sách nhân viên Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.
- Phê duyệt phương án trả lương hiệu quả năm 2019 cho Người đại diện của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí tại Công ty.
- Phê duyệt Kế hoạch dòng tiền năm 2020.

❖ Quý II/2020

- Phê duyệt Kế hoạch dòng tiền quý II/2020.
- Ban hành Quyết định về việc thôi giữ chức vụ Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.
- Ban hành Quyết định bổ nhiệm chức vụ Giám đốc - Người đại diện theo pháp

luật Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

- Mở hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Ngọc Khánh, Hà Nội.
- Tổ chức thành công phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Thực hiện Chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền cho các cổ đông.

❖ Quý III/2020

- Phê duyệt danh sách ngân hàng và hạn mức đầu tư tiền gửi năm 2020
- Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.
- Phê duyệt phương án trả lương hiệu quả năm 2020 đối với Người đại diện của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí tại Công ty
- Phê duyệt Kế hoạch dòng tiền Quý III/2020.
- Mở hạn mức tín dụng tại Ngân hàng VCB Ba Đình và Vietinbank Đông Anh

❖ Quý IV/2020

- Phê duyệt Kế hoạch dòng tiền Quý IV/2020.
- Phê duyệt Quy chế về chế độ công tác phí trong nước, phương tiện đi lại và các chi phí hành chính khác.

2. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và Bộ máy điều hành

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ kết quả công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và Bộ máy điều hành để hoạt động kinh doanh của Công ty được an toàn, hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua như sau:

- Chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.
- Chủ động giám sát Ban Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định; theo dõi, hỗ trợ tạo điều kiện để hoạt động của Ban Giám đốc được thuận lợi.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành công tác kinh doanh, thông qua các cuộc họp cũng như các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc gửi báo cáo Hội đồng quản trị.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Giám đốc.
- Chỉ đạo và góp ý đối với Ban Giám đốc trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành.
- Xem xét, điều chỉnh các Quy chế, Quy định đã được ban hành trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh tại Công ty, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

- Theo dõi, chỉ đạo Ban Giám đốc trong quá trình thực hiện công tác tái cấu trúc Công ty.

Đánh giá chung về việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ:

- Với quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo từng lĩnh vực chuyên môn, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị. Theo đó, Ban Giám đốc đã tổ chức triển khai các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đầy đủ, giúp hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và đạt hiệu quả.
- Ban Giám đốc thực hiện việc gửi đầy đủ các báo cáo định kỳ Tháng và Quý theo yêu cầu tới các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Đối với các vấn đề phát sinh cần xin ý kiến Hội đồng quản trị, để đảm bảo xử lý kịp thời và hiệu quả công việc, Ban Giám đốc đều có báo cáo và xin ý kiến các Thành viên Hội đồng quản trị thông qua các phương tiện thông tin liên lạc phù hợp.

Năm 2020 với nhiều khó khăn thách thức, Hội đồng quản trị đã chủ động chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện nhiều giải pháp trong kinh doanh, đảm bảo công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách của nhà nước cũng như Tổng công ty/ Tập đoàn; đảm bảo cân đối đủ vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước cũng như đảm bảo lợi ích của cổ đông.

B. Kế hoạch hoạt động năm 2021

Nhằm thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch năm 2021, Hội đồng quản trị xác định nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành Công ty, tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị với những nội dung, chương trình hoạt động như sau:

- Chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/Hội đồng quản trị Công ty.
- Tăng cường chỉ đạo công tác tái cấu trúc toàn diện về tổ chức, bộ máy quản lý, cơ cấu vốn, nhân lực dựa trên các định hướng của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Tổng công ty mẹ của Công ty cũng như để phù hợp với tình hình thực tế.
- Thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua chế độ cập nhật thông tin, báo cáo do Ban Giám đốc cung cấp; thảo luận trực tiếp tại các phiên họp hoặc thông qua phương tiện thông tin để cho ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo tổ chức kinh doanh phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ hiệu quả, củng cố và phát triển hệ thống phân phối phân bón tại khu vực: Đảm bảo giữ vững thị phần Đạm Phú Mỹ tại thị trường khu vực phía Bắc; phát triển kinh doanh các sản phẩm phân bón Phú Mỹ trong điều kiện thị trường cạnh tranh gay gắt.
- Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý và phát triển hiệu quả kênh phân phối, đảm

bảo bền vững cả về chiều rộng và chiều sâu. Trong đó cần tập trung vào các yếu tố chính như: Đội ngũ kinh doanh; sản phẩm dịch vụ; hệ thống nhà phân phối và quản lý hệ thống.

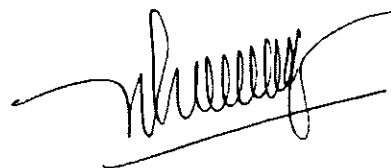
- Tiếp tục chỉ đạo công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, kinh doanh đa dạng hóa sản phẩm.
- Chỉ đạo tăng cường hiệu quả công tác tài chính; quản lý và sử dụng vốn đảm bảo an toàn, bảo toàn và phát triển vốn.
- Chỉ đạo tăng cường quản lý công tác đầu tư, mua sắm đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và tuân thủ các quy định của Công ty và phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến, cải tiến hợp lý trong quản trị, quản lý, kinh doanh, giao nhận, ... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, quản lý của CBNV để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, mô hình công ty niêm yết và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.
- Xem xét, điều chỉnh các Quy chế, Quy định đã được ban hành trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh tại Công ty để cập nhật cho phù hợp với tình hình thực tế.
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021.
- Tiếp tục xây dựng văn hóa và thương hiệu Công ty gắn liền với văn hóa và thương hiệu “PVFCCo”.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng quý và đột xuất (nếu cần) trên tinh thần các cuộc họp có hiệu quả, giải quyết được những vấn đề cần thiết cho Công ty và những kiến nghị của Ban Giám đốc.
- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ, công tác phòng ngừa rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục tổ chức công việc của Hội đồng quản trị theo hướng tăng cường trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị và hiệu quả trong điều hành của Ban Giám đốc.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 kính báo cáo Đại hội.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hồng Dung

PHẦN 4

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

A. Hoạt động, thù lao và chi phí của Ban Kiểm soát năm 2020

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc hiện gồm 03 thành viên kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm 2016 - 2021, bao gồm các ông/bà có tên sau:

- Bà Đào Thị Kim Anh - Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Nguyễn Trà My - Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Đỗ Thị Minh Tâm - Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã xây dựng chương trình công tác, phân công cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty. BKS tổ chức 04 cuộc họp tập trung chủ yếu vào các vấn đề như: bảo toàn vốn; tuân thủ quy chế, quy trình, quy định, Điều lệ của Công ty; hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và thực hiện kế hoạch năm 2020.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020:

Trong năm 2020, tổng thù lao đã chi cho BKS là 102 triệu đồng, theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua. Cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chức danh	Phụ cấp kiêm nhiệm (Thù lao)
1	Đào Thị Kim Anh - Trưởng Ban Kiểm soát	42.000.000
2	Đỗ Thị Minh Tâm - Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000
3	Nguyễn Trà My - Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000
TỔNG CỘNG		102.000.000

B. Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát năm 2020

1. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty

Thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2020 được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 25/NQ-MB ngày 11/06/2020, kết quả hoạt kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	TH năm 2020	Tỷ lệ TH/KH
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	224.000	194.978	87%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.717,59	1.300,85	76%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,9	11,04	101%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,72	8,79	101%
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	4,1	4,49	110%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	7%	Dự kiến 7%	100%

2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong việc định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty phù hợp với thẩm quyền. HĐQT duy trì họp thường kỳ và đột xuất thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết/Quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy định nội bộ của Công ty, theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ, từ đó thực hiện tốt chức năng quản trị và định hướng cho hoạt động điều hành của Ban giám đốc.

BKS thống nhất với báo cáo của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ năm 2021.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đã trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, trên cơ sở các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT và căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty.

BKS thống nhất với báo cáo của Ban Giám đốc trình ĐHĐCĐ năm 2021.

4. Đánh giá sự phối hợp công tác giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

Nhìn chung, sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và Ban Giám đốc đều thực hiện và tuân thủ theo Điều lệ và Quy chế của Công ty. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ BKS đã nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng, đơn vị trực thuộc của Công ty để có số liệu, tài liệu, chứng từ của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các thông tin cần thiết, góp phần hoàn thành nhiệm vụ của BKS.

5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty và công tác thẩm định BCTC

Tình hình hoạt động tài chính của Công ty: Năm 2020, công tác quản lý tài chính của công ty được thực hiện tốt, cụ thể như: Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn, chú trọng công tác kế toán quản trị. Ngoài ra việc rà soát và hoàn

thiện các quy trình, quy chế liên tục được thực hiện.

Công tác thẩm định BCTC: BKS thực hiện thẩm định BCTC 6 tháng và BCTC năm 2020 của Công ty theo kế hoạch đề ra. BCTC của công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh tài chính của Công ty; Việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành. Qua thẩm định BCTC Ban kiểm soát đã có nhận xét kiến nghị gửi HĐQT và Giám đốc Công ty.

6. Kiến nghị:

Để tăng trưởng bền vững và đảm bảo thực hiện tốt chiến lược phát triển của Công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị sau:

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu và dự báo thị trường, xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp, đa dạng hóa sản phẩm, tận dụng được các lợi thế cạnh tranh hiện có để đảm bảo giữ vững và phát triển mạnh thị phần tại khu vực miền Bắc.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu, tăng cường cán bộ gián tiếp sang trực tiếp, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, quản lý của CBNV nhằm tạo nguồn nhân sự có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Về công tác tài chính: Cần tập trung vào việc lập kế hoạch, điều tiết nguồn vốn hiệu quả phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý và kiểm soát chi phí ở tất cả các công đoạn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Bên cạnh đó, HĐQT và Ban Giám đốc cần tiếp tục rà soát, cập nhật sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình cho phù hợp với thực tế và tuân thủ quy định Pháp luật, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, kiểm soát rủi ro trong kinh doanh.

C. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021 và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc triển khai, quản lý, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính và đầu tư của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính, các báo cáo quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế/quy định quản lý hiện hành.
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.

- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định hiện hành
- Thực hiện các công việc khác của BKS theo quy định.

D. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

Xét năng lực và uy tín của các đơn vị kiểm toán, để thuận lợi trong việc hợp nhất BCTC toàn ngành và Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, BKS kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT, BKS lựa chọn một trong ba đơn vị sau thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty: (1) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, (2) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, (3) Công ty Pricewaterhouse&Cooper thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021.

Ban Kiểm soát kính báo cáo ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 kính báo cáo Đại hội.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đào Thị Kim Anh



PHẦN 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020,
KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021

A. Báo cáo Tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên HĐQT
Ông Lương Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 10/01/2020)
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 11/06/2020)
Ông Cao Trung Kiên	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 11/06/2020)
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 10/01/2020)

Ban Giám đốc

Ông Lương Anh Tuấn	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/05/2020)
Ông Cao Trung Kiên	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/05/2020)
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

_____ (Đã ký) _____

Lương Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông;
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2018-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE

VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 02 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.718.780.039	168.063.730.895
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	114.287.343.799	97.727.221.506
1. Tiền	111		25.628.260.752	19.153.575.519
2. Các khoản tương đương tiền	112		88.659.083.047	78.573.645.987
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.050.113.943	48.802.756.633
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	9.606.143.972	7.345.946.169
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	31.044.509.250	41.003.761.970
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		399.460.721	453.048.494
III. Hàng tồn kho	140	7	11.107.001.079	21.284.177.315
1. Hàng tồn kho	141		11.107.001.079	22.106.058.250
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(821.880.935)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		274.321.218	249.575.441
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		274.321.218	249.575.441
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.837.107.896	19.439.866.239
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		65.374.000	65.396.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		65.374.000	65.396.000
II. Tài sản cố định	220		12.502.509.703	15.338.904.482
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	12.502.509.703	15.338.904.482
- Nguyên giá	222		42.087.776.080	41.307.926.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.585.266.377)	(25.969.021.598)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		116.950.000	116.950.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(116.950.000)	(116.950.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		9.269.224.193	4.035.565.757
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	6.431.791.170	1.889.482.388
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	2.837.433.023	2.146.083.369
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		188.555.887.935	187.503.597.134

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.654.046.270	42.610.356.429
I. Nợ ngắn hạn	310		48.654.046.270	42.610.356.429
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	5.088.648.151	3.648.175.965
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	16.385.596.806	14.326.656.955
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	3.068.059.653	2.731.280.251
4. Phải trả người lao động	314		296.905.664	368.615.977
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	7.080.492.399	7.406.846.845
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	10.572.620.634	8.887.042.841
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.161.722.963	5.241.737.595
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		139.901.841.665	144.893.240.705
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	139.901.841.665	144.893.240.705
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.032.669.580	10.032.669.580
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.869.172.085	14.860.571.125
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.834.223.022	5.116.108.398
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.034.949.063	9.744.462.727
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		188.555.887.935	187.503.597.134

Nguyễn Tiến Hưng
 Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Hằng
 Kế toán trưởng

Lương Anh Tuấn
 Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.308.364.597.692	1.395.269.113.959
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	16.351.748.214	18.159.770.906
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	1.292.012.849.478	1.377.109.343.053
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	1.229.100.638.340	1.307.669.058.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		62.912.211.138	69.440.284.642
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.287.347.928	3.057.441.382
7. Chi phí bán hàng	25	23	46.528.966.203	43.796.903.363
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	14.178.229.282	15.725.689.412
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		4.492.363.581	12.975.133.249
10. Thu nhập khác	31	24	6.550.766.954	2.393.922.594
11. Chi phí khác	32		-	80.540.706
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.550.766.954	2.313.381.888
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.043.130.535	15.288.515.137
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	2.940.793.861	3.971.407.514
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	10	(691.349.654)	(863.470.786)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.793.686.328	12.180.578.409
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	586	810

Nguyễn Tiên Hưng
Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Lương Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.043.130.535	15.288.515.137
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.616.244.779	3.383.200.545
Các khoản dự phòng	03	(821.880.935)	821.880.935
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.287.347.928)	(3.057.441.382)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.550.146.451	16.436.155.235
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	7.452.438.132	(16.739.158.471)
Giảm hàng tồn kho	10	10.999.057.171	33.201.118.548
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.781.970.234	(11.118.341.630)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(4.567.054.559)	3.517.771.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.470.959.622)	(1.068.668.026)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(865.100.000)	(1.472.568.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.880.497.807	22.756.309.079
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(907.950.000)	(955.240.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.587.574.486	2.829.221.764
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.679.624.486	1.873.981.764
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	16.560.122.293	12.630.290.843
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	97.727.221.506	85.096.930.663
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	114.287.343.799	97.727.221.506

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Lương Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2021

B. Phương án phân phối lợi nhuận

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận

Căn cứ quy định về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị kính trình HĐQT thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với những nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Tại phiên họp HĐQT thường niên năm 2020, HĐQT đã thống nhất thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty với các chỉ tiêu chính như sau:

- + Lợi nhuận sau thuế: 8,72 tỷ đồng
- + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (20% LNST): 1,744 tỷ đồng
- + Tỷ lệ chia cổ tức: 7%

Với kết quả kinh doanh năm 2020 theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị kính trình HĐQT thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Phân phối lợi nhuận năm 2020	Công thức
1	Lợi nhuận năm 2019 chuyển sang	2.834.223.022	
2	Lợi nhuận trước thuế theo BCTC năm 2020	11.043.130.535	
2.1	Nộp thuế TNDN năm 2020	2.249.444.207	
3	Lợi nhuận sau thuế theo BCTC năm 2020	8.793.686.328	3=2-2.1
4	Trích lập các quỹ từ LNST 2020	1.766.188.093	4=4.1+4.2
4.1	Trích quỹ KT-PL (20%)	1.758.737.266	4.2=3*20%
4.2	Trích bổ sung quỹ KT-PL (10% phần LNST vượt KH)	7.450.827	
5	Lợi nhuận năm 2020 sau khi trích lập các quỹ	7.027.498.235	5=3-4
6	Tổng LN năm 2019 và 2020 dành chia cổ tức	9.861.721.257	6=5+1
-	Chia cổ tức bằng tiền	8.400.000.000	120 tỷ * 7%
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2021	1.461.721.257	7=5-6

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Theo kế hoạch dự kiến trình ĐHĐCĐ phê duyệt:

- + Lợi nhuận sau thuế: 8,24 tỷ đồng.
- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST): 1,65 tỷ đồng.
- + Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL: 6,5%.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, biểu quyết thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Nguyễn Thị Hồng Dung

C P 15

PHẦN 6

BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

A. Báo cáo thực hiện năm 2020

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, lương bổ sung	Phụ cấp kiêm nhiệm (Thù lao)	Thưởng từ Quý khen thưởng	Thưởng từ Quý Phúc lợi	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng	Ghi chú
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		1.470.185.425	148.000.000	4.000.000	12.500.000	108.409.513	1.743.094.938	
1	Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	785.996.263	0	4.000.000	6.500.000	37.726.031	834.222.294	
2	Lương Anh Tuấn	TV HĐQT kiêm Giám đốc	545.007.162	16.000.000	0	4.100.000	32.092.524	597.199.686	Bổ nhiệm GD từ 01/5/2020
3	Cao Trung Kiên	TV HĐQT kiêm Giám đốc	139.182.000	8.000.000	0	1.900.000	38.590.958	187.672.958	Chấm dứt HĐLĐ với Công ty từ 1/5/2020
4	Hoàng Thị Thu Hằng	TV HĐQT không chuyên trách, Kế toán trưởng	0	48.000.000	0	0	0	48.000.000	
5	Nguyễn Quang Đoàn	TV HĐQT không chuyên trách, Phó Giám đốc	0	28.000.000	0	0	0	28.000.000	
6	Đoàn Quốc Thịnh	TV HĐQT không chuyên trách	0	48.000.000	0	0	0	48.000.000	
II	BAN KIỂM SOÁT		0	102.000.000	0	0	0	102.000.000	
1	Đào Thị Kim Anh	Trưởng Ban Kiểm soát		42.000.000				42.000.000	
2	Đỗ Thị Minh Tâm	Thành viên Ban kiểm soát		30.000.000				30.000.000	
3	Nguyễn Trà My	Thành viên Ban kiểm soát		30.000.000				30.000.000	
TỔNG CỘNG			1.470.185.425	250.000.000	4.000.000	12.500.000	108.409.513	1.845.094.938	

B. Kế hoạch năm 2021

Stt	Chức danh	Tiền lương, lương bổ sung	Phụ cấp kiêm nhiệm (Thù lao)	Thưởng từ Quý khen thưởng	Thưởng từ Quý Phúc lợi	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng	Ghi chú	
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		1.477.943.088	48.000.000	300.492.500	11.700.000	79.875.000	1.918.010.588	
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	775.014.625		157.657.500	6.500.000	41.973.000	981.145.125		
2	TV HĐQT kiêm Giám đốc	702.928.463		142.835.000	5.200.000	37.902.000	888.865.463		
3	TV HĐQT không chuyên trách		48.000.000				48.000.000		
II	BAN KIỂM SOÁT		0	102.000.000	0	0	0	102.000.000	
1	Trưởng Ban Kiểm soát		42.000.000				42.000.000		
2	Thành viên Ban kiểm soát		30.000.000				30.000.000		
3	Thành viên Ban kiểm soát		30.000.000				30.000.000		
III	TỔNG		1.477.943.088	150.000.000	300.492.500	11.700.000	79.875.000	2.020.010.588	
IV	DỰ PHÒNG						202.001.059		
TỔNG CỘNG		1.477.943.088	150.000.000	300.492.500	11.700.000	79.875.000	2.222.011.647		

Ghi chú: Tiền lương, phụ cấp kiêm nhiệm và thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được tính theo nguồn Quỹ của năm tài chính.



Nguyễn Thị Hồng Dung

PHẦN 7 TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Điều lệ cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán,

Nhằm đáp ứng các quy định của pháp luật và yêu cầu hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (PVFCCo North) kính trình ĐHCĐ xem xét và thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVFCCo North sửa đổi, bổ sung lần thứ ba (*dự thảo Điều lệ đính kèm dưới đây*) theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỖ TỊCH



Nguyễn Thị Hồng Dung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

MỤC LỤC

<u>PHẦN MỞ ĐẦU</u>	52
<u>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</u>	52
<u>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</u>	52
<u>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRU SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</u>	53
<u>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</u>	53
<u>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>	53
<u>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</u>	54
<u>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</u>	54
<u>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</u>	55
<u>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</u>	55
<u>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</u>	55
<u>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</u>	56
<u>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</u>	56
<u>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</u>	56
<u>Điều 10. Thu hồi cổ phần</u>	57
<u>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRI VÀ KIỂM SOÁT</u>	57
<u>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</u>	57
<u>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u>	57
<u>Điều 12. Quyền của cổ đông</u>	57
<u>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</u>	59
<u>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</u>	60
<u>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u>	61
<u>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>	63
<u>Điều 17. Thay đổi các quyền</u>	64
<u>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</u>	64
<u>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</u>	65
<u>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>	66
<u>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</u>	68
<u>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u>	68
<u>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</u>	70

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	71
<u>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	71
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	71
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	72
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	73
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	74
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	75
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	75
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	77
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	77
<u>VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</u>	78
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	78
Điều 34. Người điều hành Công ty	78
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	78
<u>IX. BAN KIỂM SOÁT</u>	79
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	79
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	79
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	80
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	80
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	81
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	81
<u>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</u>	82
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	82
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	83
<u>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u>	83
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	83
<u>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</u>	84
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	84
<u>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</u>	84
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	84
<u>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</u>	84
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	84
Điều 48. Năm tài chính	85
Điều 49. Chế độ kế toán	85
<u>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</u>	85

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	85
Điều 51. Báo cáo thường niên	85
<u>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</u>	86
Điều 52. Kiểm toán.....	86
<u>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</u>	86
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	86
<u>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</u>	86
Điều 54. Giải thể công ty	86
Điều 55. Gia hạn hoạt động	86
Điều 56. Thanh lý	87
<u>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</u>	87
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	87
<u>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</u>	88
Điều 58. Điều lệ công ty	88
<u>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</u>	88
Điều 59. Ngày hiệu lực	88

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty Cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty Cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty Cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành (theo quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán);

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: North Petrovietnam Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company
- Tên Công ty viết tắt: PVFCCo – North



- Biểu tượng logo:

2. Công ty là công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4 tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3537 8256
- Fax: (84-24) 3537 8255
- E-mail: pmb.pvfcco.com.vn
- Website: www.pmb.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
- Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam. Khi người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

6. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Khoản 5 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

7. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh
1	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn hóa chất được phép lưu hành (Không bao gồm hóa chất y tế, hóa chất thú y và hóa chất bảo vệ thực vật)
2	7310	Quảng cáo
3	7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận

STT	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh
		(Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)
4	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
5	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng hóa phân bón (trừ loại Nhà nước cấm), hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm hóa chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật)
6	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ loại lâm sản Nhà nước cấm)
7	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
8	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản
9	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi.
10	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh
11	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm)
12	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn huy động từ các cổ đông, tổ chức trong và ngoài nước cho hoạt động đầu tư và phát triển kinh doanh, đồng thời đổi mới công tác quản lý, quản trị Công ty nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm cho người lao động; không ngừng nâng cao lợi ích của cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty, tuân thủ theo quy định Pháp luật của Nhà nước

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi

liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công

ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ

đồng, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức,

trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm

toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định

mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành

lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong

các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50%

tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại

cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá

nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên

bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có);

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề

cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, chi tiết như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát

sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp

thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được quy định như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành

viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một

nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước

ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục 59 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 tại trụ sở chính của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc – Tầng 4 tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC

LƯƠNG ANH TUẤN

PHẦN 8 TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

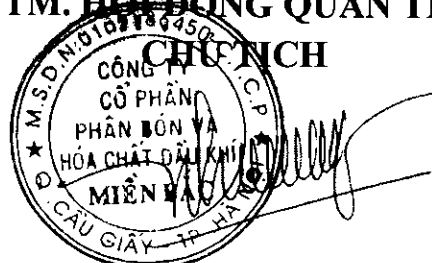
Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (HĐQT PVFCCo North) kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của PVFCCo North sửa đổi, bổ sung lần thứ hai theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành như tài liệu đính kèm dưới đây.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC NCH**



Nguyễn Thị Hồng Dung

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HOÁ CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Định nghĩa thuật ngữ

1. Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Công ty hoặc trong Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật

sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

A. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp để quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ

đồng chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp được đăng tải trên website của Công ty và gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 11. Điều kiện tiến hành

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ:

a) Thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp:

- Thông qua chương trình nghị sự của cuộc họp;

- Thông qua danh sách ban kiểm phiếu;
- Thông qua quy chế bầu cử/ kiểm phiếu;
- Thông qua danh sách bầu cử;
- Thông qua biên bản và nghị quyết cuộc họp.

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề thủ tục trong tổ chức cuộc họp được tiến hành theo phương thức cổ đông giơ thẻ biểu quyết và lấy kết quả theo đa số.

b) Thông qua các quyết định theo thẩm quyền của ĐHĐCĐ:

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề trình ĐHĐCĐ quyết định, trừ việc bầu cử HĐQT và BKS, sẽ được cổ đông thực hiện bằng phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông, với các phương án biểu quyết là tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Công ty áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin để phục vụ công tác kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng và thuận tiện cho các cổ đông. Mỗi cổ đông dự họp sẽ được cấp một phiếu biểu quyết với số cổ phần sở hữu và trên phiếu biểu quyết sẽ ghi tất cả các hạng mục trình ĐHĐCĐ thông qua. Cổ đông chọn phương án biểu quyết riêng cho từng hạng mục.

Cổ đông hoàn tất việc biểu quyết bằng việc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu vào thời điểm theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

c) Cách thức bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS:

Việc bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS được thực hiện bằng phương thức bầu dồn phiếu theo Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

Trong phiếu bầu HĐQT và phiếu bầu BKS có các thông tin về số phiếu bầu của cổ đông tương ứng với số cổ phần sở hữu, danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua, số thành viên được bầu tối đa và nội dung hướng dẫn tóm tắt cách thức bầu dồn phiếu. Cách thức bầu cử được quy định cụ thể và chi tiết trong quy chế bầu cử và kiểm phiếu.

Cổ đông hoàn tất việc bầu cử bằng việc bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu vào thời điểm theo chương trình nghị sự và theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

4. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 14. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

2. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn

cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu biểu quyết kết thúc và được tiến hành ở tại khu vực riêng biệt tại nơi tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ có sự giám sát của đại diện cổ đông hoặc đại diện Đoàn chủ tịch.

4. Ban Kiểm phiếu có quyền sử dụng thêm nhân sự giúp việc và áp dụng các phương pháp kiểm phiếu phù hợp, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan của kết quả kiểm phiếu. Trong trường hợp có yêu cầu của cổ đông, Chủ tọa cuộc họp sẽ mời một số cổ đông đại diện tham gia giám sát quá trình thu và kiểm phiếu biểu quyết/ bầu cử.

5. Việc xác định kết quả biểu quyết/ bầu cử của ĐHĐCĐ đối với các nội dung liên quan căn cứ theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.

Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu hoàn tất công tác kiểm phiếu, lập biên bản có đầy đủ chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu và báo cáo với Chủ tọa về việc đã có kết quả kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp sẽ mời ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn thể ĐHĐCĐ.

2. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu.

3. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến, số phiếu ý kiến khác đối với từng vấn đề biểu quyết tại Đại hội.

4. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, và là căn cứ để

Thư ký cuộc họp đưa vào dự thảo biên bản và dự thảo nghị quyết cuộc họp.

Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký

cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan đến Nghị quyết, cuộc họp ĐHĐCĐ ra công chúng theo các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán.

B. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ các vấn đề thuộc quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển Công ty;

- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến

hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

C. TỔ CHỨC HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG CÁC HÌNH THỨC KHÁC

Điều 22. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng các hình thức khác

1. Hội đồng quản trị Công ty có thể triệu tập và tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, và trong điều kiện cho phép.

2. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng

hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Quy định tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hướng dẫn bỏ phiếu điện tử tại Đại hội đồng cổ đông theo Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

A. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản

trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 25. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác;

4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Đảm bảo tiêu chuẩn theo điểm c khoản 3 Điều này;
- b) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- d) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- đ) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 26. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty, chi tiết như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị



1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Điều 30. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 31. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 32. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và pháp luật.

B. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Số lượng cuộc họp tối thiểu

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Điều 34. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác (nếu có).
2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 35. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo

mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 36. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 37. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 38. Cách thức biểu quyết

1. Việc biểu quyết sẽ được tiến hành công khai bằng cách giơ tay và kết quả biểu quyết phải được Thư ký Công ty ghi cụ thể, rõ ràng trong Biên bản cuộc họp HĐQT.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 40 Quy chế này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

3. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 39. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 40. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 41. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Điều 42. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành

viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 41 Quy chế này thì biên bản họp Hội đồng quản trị có hiệu lực.

Điều 43. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Những quyết định đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT sẽ được HĐQT ban hành theo các thể thức trình bày văn bản phù hợp (nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy chế, quy định...) và chuyển đến các cá nhân, đơn vị có liên quan để thi hành. Căn cứ vào nội dung đã được quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản chính thức này.

2. Các văn bản nghị quyết, quyết định, quy định, quy chế, chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT và BKS để theo dõi và giám sát thực hiện; đồng thời được chuyển cho Người công bố thông tin để thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông và công chúng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

C. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 44. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 45. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 49. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

Điều 50. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 52. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty, chi tiết như sau:

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử, ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy chế quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy định khác của Công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử

ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 53. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 54. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 55. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;

- c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Điều 56. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC

Điều 57. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 58. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Người được bổ nhiệm làm Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam.
 - Là người khác có trình độ chuyên môn từ bậc đại học trở lên về quản trị kinh doanh về các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
 - Có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất 05 năm.
 - Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hoặc tham gia chức vụ điều hành ở một doanh nghiệp khác.
 - Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Giám đốc của công ty mẹ của Công ty.

Điều 59. Ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Trường hợp Giám đốc không kiêm nhiệm chức danh thành viên HĐQT, HĐQT có thể lựa chọn ứng viên có đủ tiêu chuẩn và điều kiện để bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và ký hợp đồng lao động.
3. Công ty ký hợp đồng lao động với Giám đốc theo quy định của pháp luật về lao động.
4. Người được đề nghị hoặc giới thiệu để bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc phải hoàn tất hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và gửi cho HĐQT xem xét. HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Giám đốc theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
5. Quyết định bổ nhiệm Giám đốc phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Giám đốc, theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy định, quy chế khác của Công ty. Ngoài ra HĐQT có thể lập hợp đồng lao động và/ hoặc hợp đồng trách nhiệm với Giám đốc để quy định cụ thể.

Điều 60. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.
2. HĐQT miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a) Giám đốc không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 58 Quy chế này.
 - b) Giám đốc có đơn xin từ chức hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm

Giám đốc, hoặc Giám đốc không đảm bảo sức khỏe để đảm nhận chức vụ trong thời gian liên tục 06 tháng.

c) Giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.

d) Năng lực điều hành kém khiến Công ty kinh doanh thua lỗ 02 năm liên mà không phải do nguyên nhân khách quan.

e) Giám đốc bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự.

f) Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ cho xác định Giám đốc không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ.

g) Việc miễn nhiệm Giám đốc phải được HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

h) HĐQT có thể yêu cầu Giám đốc bị miễn nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Công ty (nếu có).

Điều 61. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Điều 62. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc theo quy định tại Điều 163 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 63. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 41, Điều 43 Quy chế này.

Điều 64. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Giám đốc

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi cho Ban Kiểm soát và Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 65. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có đề nghị của BKS hoặc Giám đốc.
2. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Điều 66. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Hàng quý hoặc đột xuất khi nhận được đề nghị báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn

được giao từ Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo với HĐQT về kết quả thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn đã được phân giao theo quy định nội bộ của Công ty. Việc báo cáo phải được thực hiện một cách nghiêm túc, cẩn trọng và trung thực để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của Công ty.

Điều 67. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

Hàng quý hoặc đột xuất, căn cứ vào kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao của Giám đốc, HĐQT tổ chức họp kiểm điểm đối với Giám đốc về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc theo quy định nội bộ của Công ty.

Điều 68. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo:

- a) Hàng năm, Giám đốc trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;
- b) Báo cáo kế hoạch kinh doanh - dự toán ngân sách, báo cáo tài chính quý, năm (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính;
- c) Các báo cáo khác khi được yêu cầu.

2. Giám đốc phải cung cấp thông tin trong phạm vi cho phép của mình, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi HĐQT hoặc BKS yêu cầu Giám đốc cung cấp thông tin. Tất cả các thông báo cho HĐQT hoặc BKS phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi đến HĐQT hoặc BKS trong thời gian sớm nhất.

Điều 69. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ công ty, các quy định nội bộ của Công ty.
2. Các HĐQT, BKS, Giám đốc sẽ không can thiệp vào công việc điều hành của nhau.
3. Trong một số trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, BGD, BKS có thể thông tin cho Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Trưởng BKS hoặc tất cả để giải quyết công việc một cách kịp thời, hiệu quả.

Điều 70. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Căn cứ vào nội quy của Công ty, quy định về khen thưởng và kỷ luật và căn cứ theo kết quả đánh giá của Hội đồng thi đua khen thưởng kỷ luật, Công ty sẽ tiến hành khen thưởng

định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có thành tích trong công tác quản lý.

2. Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, Hội đồng thi đua khen thưởng kỷ luật sẽ xem xét hình thức kỷ luật và ban hành Quyết định kỷ luật.

CHƯƠNG VII: HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc bao gồm 70 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được HĐQT ban hành. Trong trường hợp có những nội dung chưa thống nhất với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thì áp dụng theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THỊ HỒNG DUNG



PHỤ LỤC 1

QUY ĐỊNH TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ HƯỚNG DẪN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy định này quy định về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (PVFCCo North).
- Quy định này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ĐHĐCĐ trực tuyến, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Công ty hoặc PVFCCo North:** Là Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
- **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:** Là cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
- **Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến:** Bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi Đoàn Chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến bằng Tài khoản truy cập đã được PVFCCo North cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.
- **Bỏ phiếu trực tuyến:** Là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết trước hoặc trong cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.
- **Thông tin đăng nhập:** Bao gồm tên đăng nhập (Username/ID) và mật khẩu (Password) trong Thư mời họp hoặc mã OTP được gửi vào số điện thoại của cổ đông hoặc số điện thoại của người được ủy quyền. Mật khẩu và mã OTP được PVFCCo North cung cấp duy nhất cho từng cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền tại Thư mời họp hoặc số điện thoại của cổ đông/người được cổ đông ủy quyền.

Điều 3. Điều kiện tổ chức Đại hội trực tuyến:

Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến nếu đánh giá thấy việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tiếp có thể không thực hiện được, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ
ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến

4.1. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội: Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền tham dự Đại hội hoặc ủy quyền hợp lệ cho người khác tham dự Đại hội và đã được PVFCCo North cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy định này.

4.2. Cổ đông được coi là tham dự Đại hội khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. PVFCCo North thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thư mời họp.
- Các cổ đông đăng ký tham dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là tham dự và biểu quyết hợp lệ tại Đại hội nếu cổ đông đã hoàn thành việc đăng nhập bằng Tên đăng nhập (Username) và mật khẩu/mã OTP do PVFCCo North cung cấp.

4.3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội trực tuyến.

4.3.1. Quyền của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

b. Cổ đông thực hiện tham dự Đại hội trực tuyến thực hiện đăng nhập vào hệ thống trực tuyến do PVFCCo North thông báo để tham dự Đại hội và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

c. Cổ đông và đại diện cổ đông có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng, biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua và giữ nguyên hiệu lực của các đợt biểu quyết đã thực hiện.

d. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Theo đó, với đại diện được ủy quyền, nếu bên được ủy quyền không phải cổ đông của PVFCCo North, sau khi nhận được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, PVFCCo North sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên được ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. PVFCCo North cung cấp thông tin đăng nhập cho đại diện được ủy quyền qua thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông. Cổ đông hoàn toàn chịu trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về PVFCCo North. Người được ủy quyền tham dự Đại hội phải

tuân thủ các nội dung tại Quy định này, chịu sự điều hành của Đoàn Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

4.3.2. Nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền:

a. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự.

b. Khi tham dự Đại hội, trang phục của cổ đông phải đảm bảo tính trang trọng, lịch sự.

c. Cổ đông tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến có nghĩa vụ:

- Chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.
- Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: Tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đảm bảo người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại Khoản này tương tự như cổ đông.
- Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.
- Thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu lý chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

5.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do PVFCCo North chỉ định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự Đại hội: Kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

5.2. Phương thức kiểm tra: Ban Kiểm tra tư cách cổ đông xác nhận tư cách cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản của các cổ đông để làm cơ sở xác minh số cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.

5.3. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Bầu cử và kiểm phiếu.

6.1. Ban Bầu cử và kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các ủy viên khác do

Đại hội biểu quyết thông qua.

6.2. Ban Bầu cử và kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

6.3. Ban Bầu cử và kiểm phiếu có các nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.
- Ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- Tổng hợp và báo cáo Ban Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội, kết quả bầu cử.
- Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu thông qua các nội dung trình Đại hội.
- Báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội
- Bàn giao biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Ban Thư ký Đại hội.
- Cùng Đoàn Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội quyết định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đoàn Chủ tọa giao.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa

7.1. Đoàn Chủ tọa Đại hội do Đại hội biểu quyết thông qua gồm Chủ tọa và một số Ủy viên có chức năng điều hành Đại hội

7.2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của phiên họp theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để phiên họp ĐHĐCĐ diễn ra có trật tự; đáp ứng yêu cầu của Pháp luật, Điều lệ Công ty và mong muốn của cổ đông tham dự Đại hội.

b. Chỉ định Tổ Thư ký và giới thiệu để Đại hội bầu Ban Kiểm phiếu;

c. Hướng dẫn việc thảo luận tại phiên họp;

d. Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;

e. Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

7.3. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

7.4. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

7.5. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, hoặc bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp hơn với quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ đã được thông qua) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa

quyết định nêu nhận thấy rằng:

- a. Hành vi của những người tham dự Đại hội trực tuyến cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc
- b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Tổ Thư ký

Tổ Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên. Tổ Thư ký có các nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
- Soạn thảo Biên bản Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội;
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

Điều 9. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông đã truy cập hệ thống để đăng ký tham dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết căn cứ theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập Đại hội. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

10.1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.

10.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội.

Điều 11. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

11.1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội.

11.2. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Đoàn Chủ tọa có thể lựa chọn phương pháp điều hành cuộc họp. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội bằng hình thức thảo luận, chất vấn trực tuyến và được sự đồng ý của Đoàn Chủ tọa hoặc gửi câu hỏi cho Đoàn Chủ tọa thông qua hệ thống trực tuyến. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời từng cổ đông trình bày ý kiến của mình theo nội dung thảo luận.

11.3. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật và phải thuộc thẩm quyền, nội dung của Đại hội. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

11.4. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một số cổ đông tối đa không quá 02 (hai) phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Thư ký Đại hội ghi nhận và HĐQT trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời gian sớm nhất.

Điều 12. Nguyên tắc cổ đông tham gia bỏ phiếu

12.1. Nguyên tắc chung:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp quyền biểu quyết theo số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và đại diện) của cổ đông.

12.2. Phương thức biểu quyết:

Đại biểu bỏ phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” trên Phiếu biểu quyết đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả nội dung cần biểu quyết tại một lần biểu quyết, đại biểu nhấn “Biểu quyết” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống.

12.3. Phương thức bầu cử:

Việc bầu cử Thành viên HĐQT, Thành viên BKS Công ty được thực hiện bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức bầu dồn phiếu.

Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS do Đại hội thông qua.

Điều 13. Thực hiện bỏ phiếu điện tử

13.1. Thời điểm biểu quyết, bầu cử:

a. Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử được thực hiện là 02 (hai) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đến khi Chủ tọa thông báo kết thúc việc bỏ phiếu.

b. Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi ĐHĐCĐ diễn ra và/hoặc tại ĐHĐCĐ. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm mở Hệ thống trực tuyến đến thời điểm kết thúc biểu quyết theo thông báo của Đoàn Chủ tọa.

13.2. Cách thức biểu quyết, bầu cử:

a. Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4.3.2 Điều 4 Quy chế này. Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thư mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.

b. Cổ đông có quyền biểu quyết, bầu cử là cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông.

c. Phương thức biểu quyết, bầu cử:

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn 01 trong 02 ô tương ứng “Tán thành” hoặc “Không tán thành” đối với từng nội dung xin ý kiến và bấm nút “Biểu quyết” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống. Phương thức biểu quyết này sử dụng để thông qua các nội dung: Thông gia Đoàn Chủ tọa, Tổ Thư ký, Ban Bầu cử và kiểm phiếu, Quy chế tổ chức Đại hội, Biên bản và Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác... trừ biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến và nhấn nút “Gửi biểu quyết” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống. Phương thức biểu quyết này dùng để thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.
- Phương thức bầu cử: Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu). Cổ đông tích chọn số người cần bầu, hệ thống tự động dồn/chia số quyền bầu tương ứng hoặc cổ đông có thể nhập số quyền bầu cho mỗi ứng viên theo số quyền mà cổ đông dự định bầu. Hệ thống sẽ hiển thị số quyền mà cổ đông chưa bầu hết để cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không.

Trường hợp người nhận ủy quyền thực hiện việc biểu quyết, bầu dồn phiếu theo yêu cầu của bên ủy quyền và yêu cầu này khác với ý kiến của bên nhận ủy quyền thì bên ủy quyền vui lòng liên hệ với Ban Tổ chức Đại hội trước 03 ngày tính đến ngày khai mạc Đại hội để được cấp ID riêng tách biệt với ID của người nhận ủy quyền.

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông không thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử sau khi đã gửi thành công trên hệ thống. Đối với các nội dung biểu quyết thay đổi hoặc phát sinh trong thời gian tổ chức Đại hội, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết bổ sung cho những nội dung thay đổi, phát sinh đó. Kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông là tổng hợp kết quả biểu quyết được ghi nhận tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Chủ tọa thông báo tại ĐHCĐ. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHCĐ, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông không thể thực hiện biểu quyết

đối với nội dung đã bị khóa. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban Kiểm phiếu báo cáo Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

d. Trước khi thời hạn biểu quyết, bầu cử kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu, bầu cử của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết, bầu cử chung đối với từng nội dung do Đoàn Chủ tọa hoặc Ban Bầu cử và kiểm phiếu công bố.

e. Khi điều hành Đại hội, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến có thể liên hệ về các địa chỉ hỗ trợ nêu tại Thông báo mời họp để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

13.3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết, bầu cử: Phiếu biểu quyết, bầu cử hợp lệ là phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông có tham gia biểu quyết, bầu cử và có chọn phương án biểu quyết, bầu cử và hoàn thành việc gửi trên hệ thống trực tuyến.

Trường hợp cổ đông đăng nhập thành công để tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không lựa chọn ý kiến nào (không đánh dấu chọn vào ô nào) sẽ được hiểu là cổ đông từ chối quyền và không tham dự biểu quyết, bầu cử tại nội dung đó; số phiếu của cổ đông này không được cộng vào tổng số phiếu tham gia biểu quyết của nội dung không đánh dấu.

Điều 14. Kết quả bỏ phiếu điện tử

14.1. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hệ thống phần mềm của PVFCCo North.

14.2. Ban Bầu cử và kiểm phiếu là người tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

Điều 15. Thông qua Nghị quyết của Đại hội

15.1. Các Nghị quyết về các nội dung trình ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

15.2. Các Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn so với Điều lệ Công ty quy định;

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty

15.3. Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Người trúng cử Thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được Đại hội thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT/BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại Quy chế Bầu cử.

Điều 16. Biên bản Đại hội

16.1. Phiên họp ĐHĐCĐ phải được ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên của Chủ tọa và Thư ký ;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.

16.2. Biên bản Đại hội phải hoàn thành và thông qua trước khi Đại hội kết thúc.

16.3. Chủ tọa và Thư ký Đại hội liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực,

chính ắc của nội dung Biên bản Đại hội.

Biên bản Đại hội được đăng tải lên trang thông tin điện tử của PVFCCo North trong vòng 24h kể từ khi kết thúc cuộc họp.

Biên bản Đại hội, phục lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Trường hợp tổ chức Đại hội không thành công

17.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;

17.2. Trường hợp Đại hội triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 18. Sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD

Trong trường hợp PVFCCo North lựa chọn sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD, Quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo mẫu của VSD sẽ điều chỉnh việc bỏ phiếu điện tử tại Đại hội trực tuyến của PVFCCo North. Nếu có các nội dung không thống nhất giữa Quy định này và Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử theo mẫu của VSD, nội dung tại Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử theo mẫu của VSD sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

19.1. Quy định này gồm 4 Chương, 19 Điều và có hiệu lực vào ngày ký quyết định ban hành .

19.2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy định này.

19.3. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền, tổ chức đại diện và những người tham dự Đại hội trực tuyến của PVFCCo North có trách nhiệm thực hiện theo Quy định này.

PHẦN 9 TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (HĐQT PVFCCo North) kính trình ĐHQĐ xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT PVFCCo North theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành như tài liệu đính kèm dưới đây.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ
MIỀN BẮC
Đ. Đ. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI



Nguyễn Thị Hồng Dung

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 03 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế

và tiếp quản công việc.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Đảm bảo tiêu chuẩn theo điểm c khoản 1 Điều này;
- b) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- d) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- đ) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ Công ty làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành

viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau

thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau.

Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội

đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THỊ HỒNG DUNG

PHẦN 10
TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt/*9.Nam thông qua vào ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- ‘
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc,

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (PVFCCo North) kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PVFCCo North theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành như tài liệu đính kèm dưới đây.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Đào Thị Kim Anh

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều

hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định

tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; xây dựng Kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị,

Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu

phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban Điều hành

1. Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Các báo cáo Giám đốc gửi tới HĐQT thì đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát.

3. Giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

4. Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban Kiểm soát hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban Kiểm soát, và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của HĐQT đồng thời thông báo cho Ban Kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.

5. Thông báo ngay cho Ban Kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình, hoặc là các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động

ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

Điều 21. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT. Thư ký của HĐQT phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.
2. Hội đồng quản trị được quyền đề nghị Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra hoặc tham gia cùng với đoàn kiểm tra, kiểm soát của HĐQT.
3. Ban Kiểm soát thông báo HĐQT kết quả kiểm tra giám sát nội bộ định kỳ hoặc đột xuất.
4. Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của HĐQT.
5. Ban Kiểm soát thông báo cho HĐQT và tham khảo ý kiến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

ĐÀO THỊ KIM ANH

PHẦN 11

TỜ TRÌNH

V/v Ký kết các Hợp đồng, giao dịch
với Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

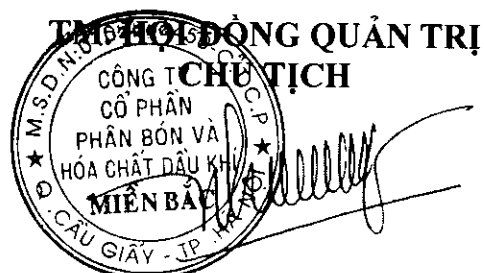
Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc,

Nhằm đảm bảo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP được thực hiện kịp thời và tuân thủ các quy định hiện hành, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

- Thông qua chủ trương về việc ký kết các Hợp đồng, giao dịch không giới hạn đối với hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ triển khai các hoạt động TT-DVKT, ASXH, CSKH và Hỗ trợ bán hàng với Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí trong giai đoạn 2021-2026.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch với Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP mà không phải thông báo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và không phải lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua./.



Nguyễn Thị Hồng Dung

PHẦN 12

TỜ TRÌNH

V/v ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng và phê duyệt
Chiến lược phát triển và Phương án tái cơ cấu Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc;
- Thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ việc như sau:

Giai đoạn 2021-2026 được đánh giá giai đoạn then chốt, bản lề cho sự phát triển mới của Công ty. Công ty cần rà soát, xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2035 và tái cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Nhằm đảm bảo sự linh hoạt, kịp thời trong công tác quản trị, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được chủ động xây dựng và phê duyệt Chiến lược phát triển và Phương án tái cơ cấu Công ty theo chủ trương chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty mẹ - Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua./.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ
MIỀN BẮC
Đ. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI



Nguyễn Thị Hồng Dung

PHẦN 13

QUY CHẾ BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021-2026

(Áp dụng đối với hình thức tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến)

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc thống nhất thông qua để làm cơ sở tiến hành bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên trực tuyến năm 2021, với các quy định sau:

I. Nguyên tắc bầu cử và quyền bầu cử HĐQT, BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Nguyên tắc

Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Tuân thủ pháp luật hiện hành về doanh nghiệp và chứng khoán tại Việt Nam;
- Tuân thủ Điều lệ hiện hành của Công ty;
- Bảo đảm tính công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

2. Người có quyền bầu cử

Người có quyền bầu cử tại ĐHĐCĐ là các cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người được cổ đông sở hữu cổ phần ủy quyền dự họp (theo danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập) có mặt tại phiên họp ĐHĐCĐ.

II. Bầu cử Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT

Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo Điều lệ Công ty: 03 thành viên và có ít nhất 01 Thành viên độc lập HĐQT.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HĐQT

2.1 Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HĐQT

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Là cổ đông/đại diện do nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông đề cử hoặc người khác có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản trị doanh nghiệp, hiểu biết pháp luật, có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
- Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ - TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

2.2 Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử thành viên HĐQT

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT tại Khoản II, Mục II quy chế này và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tính tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.
- Người được đề cử khác phải được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tính tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.
- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

4. Số lượng ứng cử viên HĐQT

Số lượng ứng cử viên để bầu vào HĐQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo ít nhất bằng số thành viên HĐQT dự kiến được bầu là 03 người. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số thành viên.

5. Tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT

Sau khi hết thời hạn nhận hồ sơ ứng cử/đề cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định.

Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ 03 ứng cử viên, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.
- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được ĐHĐCĐ thông qua tại phiên họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử. Việc biểu quyết thông qua danh sách ứng cử

viên tiến hành bằng bỏ phiếu điện tử.

III. Bầu cử Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS

Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026 theo Điều lệ Công ty: 03 thành viên.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên BKS

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

3. Điều kiện tự ứng cử, được đề cử thành viên BKS

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS tại Khoản 2, Mục III Quy chế này và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tính tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.
- Người được đề cử khác phải được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tính tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.
- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

4. Số lượng ứng cử viên

Ứng cử viên để bầu vào BKS do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo ít nhất bằng số thành viên BKS dự kiến được bầu là 03 người. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng cử viên vào BKS.
- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 02 ứng cử viên vào BKS.
- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số thành viên.

5. Tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS

Tại ngày hạn chốt nhận hồ sơ ứng cử/đề cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh

sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định.

Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ 03 ứng cử viên, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS.
- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được ĐHĐCĐ thông qua tại phiên họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử. Việc biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

IV. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS

1. Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT, BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử tham gia HĐQT hoặc BKS, có nội dung cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT, BKS một cách trung thực nếu được bầu vào HĐQT, BKS (theo mẫu đính kèm);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu đính kèm);
- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi (nhóm) cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (tính tại thời điểm chốt Danh sách cổ đông cho mục đích của cuộc họp ĐHĐCĐ);
- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);
- Bản sao có công chứng: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/CCCD, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp trình độ chuyên môn;

2. Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT, BKS

Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Công ty (địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất 10 ngày.

Đối với các trường hợp đề cử/ứng cử tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông đề cử/ứng cử phải cung cấp ngay hồ sơ đề cử/ứng cử cho Đoàn Chủ tọa trước khi tiến hành bầu cử để được xem xét.

Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại phiên họp ĐHĐCĐ.

V. Phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể như sau:

- Mỗi cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp có tổng số quyền biểu quyết (“tổng số lượng phiếu bầu”) tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên dự kiến được bầu vào HĐQT hoặc BKS;

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu cho tối đa số lượng 03 ứng cử viên HĐQT và 03 ứng cử viên BKS trên tổng số ứng cử viên HĐQT và BKS trong danh sách ứng cử viên.

Ví dụ:

ĐHĐCĐ bầu chọn 03 thành viên HĐQT trong tổng số 6 ứng cử viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là: $(10.000 \times 03) = 30.000$ phiếu bầu

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

- Dồn hết 30.000 phiếu bầu của mình cho 01 ứng cử viên HĐQT.
- Chia đều 30.000 phiếu cho cả 03 ứng cử viên thành viên HĐQT (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 10.000 phiếu của cổ đông Nguyễn Văn A).
- Dồn 30.000 phiếu bầu của mình cho một số ứng cử viên HĐQT bằng cách chia nhỏ 30.000 quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên. Cổ đông Nguyễn Văn A có thể dồn 30.000 phiếu của mình cho mỗi ứng cử viên theo những số phiếu bầu khác nhau nhưng tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên đó không vượt quá 30.000 phiếu.

2. Phiếu bầu cử

Việc bầu cử được tiến hành thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Một số thuật ngữ được sử dụng trong Phiếu bầu cử điện tử được hiểu và giải thích như sau:

- **“Tổng số lượng cổ phần đại diện”** hoặc **“Số lượng cổ phiếu đại diện”**: được hiểu là số cổ phần có quyền biểu quyết bao gồm số lượng cổ phần do Đại biểu sở hữu và/hoặc nhận ủy quyền từ một hoặc nhiều Đại biểu khác;
- **“Tổng số lượng phiếu bầu”** hoặc **“Số lượng quyền bầu cử”**: được hiểu là Tổng số lượng cổ phần đại diện nhân với Số lượng thành viên HĐQT/BKS được bầu.

3. Cách thức tiến hành bầu cử

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến thực hiện bỏ phiếu điện tử bằng cách truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (hệ thống EzGSM): <https://ezgsm.fpts.com.vn/> để thực hiện bầu cử.

Đại biểu tiến hành bầu cử thông qua bỏ phiếu điện tử bằng cách di chuyển đến mục “Biểu quyết - Bầu cử” và thực hiện thao tác theo hướng dẫn sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số lượng thành viên được bầu vào HĐQT/BKS;
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều số phiếu cho một số ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô trống tại ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng viên tương ứng.
- Sau khi nhập xong phiếu bầu cử, đại biểu nhấn **“Bầu cử”** để lưu và gửi kết quả bầu cử đến hệ thống. Đại biểu có quyền thay đổi kết quả bầu cử. Kết quả bầu cử

được ghi nhận là kết quả bầu cử được lưu trên hệ thống cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

4. Các phiếu bầu sau đây được coi là không hợp lệ:

- Phiếu bầu có tổng số ứng viên mà đại biểu bầu vượt quá số lượng thành viên HĐQT/BKS được Đại hội đồng cổ đông thông qua để bầu;
- Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không bằng “số lượng quyền bầu cử” của đại biểu.
- Phiếu bầu được hệ thống ghi nhận khi đã hết thời gian biểu quyết bầu cử theo quy định.

Lưu ý: Đối với các phiếu bầu không hợp lệ, hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (hệ thống EzGSM) sẽ có cảnh báo đến đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Đại biểu có trách nhiệm điều chỉnh phiếu bầu cho hợp lệ. Hệ thống không ghi nhận phiếu bầu không hợp lệ và đại biểu được coi là không tham gia bỏ phiếu bầu cử thông qua hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

5. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu

Ban Bầu cử và Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các ủy viên khác do Chủ tọa ĐHĐCĐ đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào HĐQT và BKS.

Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:

- Hướng dẫn tóm tắt quy định và cách thức bầu cử;
- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước ĐHĐCĐ;
- Giao lại biên bản cho Chủ tọa;

Ban Bầu cử và Kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử; nếu sai phạm Ban Bầu cử và Kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi nhận được kết quả kiểm phiếu từ Hệ thống Bỏ phiếu điện tử, Ban Bầu cử và Kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước ĐHĐCĐ.

6. Trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử được thực hiện là 02 (hai) ngày trước ngày khai mạc Đại hội từ 08h00 ngày 20/06/2021 đến khi Đoàn Chủ tọa thông báo kết thúc việc bỏ phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

VI. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS

- Số người trúng cử thành viên HĐQT và BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.
- Công thức: Tỷ lệ phiếu bầu = (Tổng số phiếu được bầu cho ứng cử viên/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp) x 100%
- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt điều kiện trúng cử có cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của HĐQT/ BKS thì việc chọn ứng cử viên trúng cử theo nguyên tắc sau: Ứng cử viên nào được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần cao hơn sẽ là ứng cử viên trúng cử.

VII. Giải quyết khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

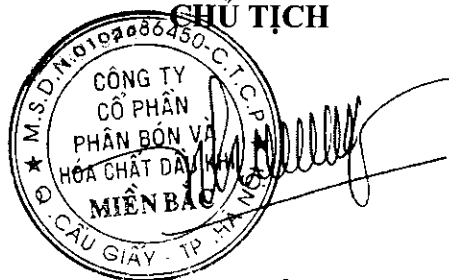
- Trong trường hợp cổ đông khiếu nại hoặc yêu cầu kiểm tra lại kết quả bầu cử, Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Việc trả lời và giải quyết những khiếu nại về bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

VIII. Hiệu lực áp dụng

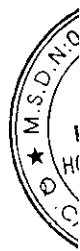
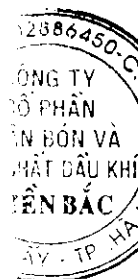
Toàn bộ dữ liệu điện tử về bầu cử sẽ được lưu trữ tối đa trong thời hạn 06 tháng.

Quy chế này có hiệu lực áp dụng tại phiên họp ĐHĐCĐ sau khi được ĐHĐCĐ Công ty thông qua. Ban Tổ chức và các bộ phận liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm triển khai các công việc liên quan theo Quy chế.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hồng Dung



PHẦN 14 TỜ TRÌNH

V/v: Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc;

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty như sau:

Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 đã kết thúc sau hơn 5 năm tại nhiệm, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 đã tiếp tục hoạt động cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2021. Theo quy định của Điều lệ Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

I. Số lượng thành viên, tiêu chuẩn và điều kiện

1. Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên: 03 người (theo quy định tại Điều lệ hiện hành của Công ty);
- Tiêu chuẩn và điều kiện: Theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, trong đó thành viên HĐQT độc lập theo tiêu chí quy định tại Luật Chứng khoán 2019;
- Cơ cấu thành viên: 01 thành viên HĐQT chuyên trách, 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc, 01 thành viên HĐQT độc lập.

2. Ban Kiểm soát:

- Số lượng thành viên: 03 người (theo quy định tại Điều lệ Công ty);
- Tiêu chuẩn và điều kiện: Theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;
- Cơ cấu thành viên: 03 thành viên BKS (01 trưởng ban và 02 thành viên).

II. Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS

Công ty đã đăng thông báo về việc ứng cử, đề cử ngày 02/06/2021 đến các Quý cổ đông. Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử hợp lệ của các cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện đề cử/ứng cử tính đến hạn chót là 17h00 ngày 12/06/2021, Công ty đã tổng hợp danh sách ứng cử viên như sau:

1. Hội đồng quản trị:

- 1.1. Cổ đông lớn - Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP, nắm giữ 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp đề cử 02 ứng cử viên gồm các Ông/Bà:
 - Bà Nguyễn Thị Hồng Dung - Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016-2021
 - Ông Lương Anh Tuấn - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021, Giám đốc Công ty
- 1.2. Số lượng thành viên HĐQT của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty là 03 thành viên, do các cổ đông không ứng cử/đề cử đủ số lượng ứng cử viên, căn cứ quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 đã thống nhất phương án đề cử thêm 01 ứng cử viên HĐQT độc lập như sau:
 - Ông Tạ Quốc Phương - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung
- 1.3. Chiều theo các tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ hợp lệ, tất cả 03 ứng cử viên nêu trên đều đáp ứng yêu cầu để đưa vào danh sách bầu cử HĐQT. Đồng thời số lượng 03 ứng cử viên đáp ứng số lượng tối thiểu để bầu HĐQT.

2. Ban Kiểm soát

- 2.1. Cổ đông lớn - Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP, nắm giữ 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp đề cử 02 ứng cử viên:
 - Bà Đào Thị Kim Anh – Trưởng BKS Công ty nhiệm kỳ 2016-2021
 - Bà Đỗ Thị Minh Tâm - Thành viên BKS nhiệm kỳ 2016-2021
- 2.2. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty là 03 thành viên, do các cổ đông không ứng cử/đề cử đủ số lượng ứng cử viên, căn cứ quy định, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 đã thống nhất phương án đề cử thêm 01 ứng cử viên như sau:
 - Bà Nguyễn Trà My - Thành viên BKS nhiệm kỳ 2016-2021
- 2.3. Chiều theo các tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ hợp lệ, tất cả 03 ứng cử viên nêu trên đều đáp ứng yêu cầu để đưa vào danh sách bầu cử BKS. Đồng thời số lượng 03 ứng cử viên đáp ứng số lượng tối thiểu để bầu BKS.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Danh sách bầu cử HĐQT & BKS nhiệm kỳ 2021-2026 như trên, đồng thời nghiên cứu Quy chế bầu cử, thông tin lý lịch của các ứng cử viên (đính kèm) để tiến hành thủ tục bầu cử tại Đại hội.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ
MIỀN BẮC

M.S.D.N.0108800
Đ. C. A. U. GI. Á. Y - T. P. H. Á. N. G.

Nguyễn Thị Hồng Dung

**THÔNG TIN ỨNG CỬ VIÊN
BÀU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

I. DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN BÀU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. BÀ: NGUYỄN THỊ HỒNG DUNG

- Ngày sinh: 24/10/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số:
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2001 - 12/2006	Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	Chuyên viên kế hoạch
01/2007 - 10/2007	Tổng Công ty Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí	Chuyên viên kế hoạch
11/2007 - 03/2008	Công ty Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh
04/2008 - 12/2009	Văn phòng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng phòng Hành chính
01/2010 - 08/2010	Văn phòng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng Hành chính
09/2010 - 03/2011	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Chánh văn phòng
04/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc

2. ÔNG: LƯƠNG ANH TUẤN

- Ngày sinh: 21/08/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số:
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/2001 - 8/2007	Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc	Nhân viên Kinh doanh Thị trường
9/2007 - 7/2008	Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc	Nhân viên Kinh doanh Thị trường
8/2008 - 9/2008	Xí nghiệp Kinh doanh phân bón miền Bắc	Nhân viên Kinh doanh Thị trường
9/2008 - 4/2010	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Chuyên viên Kinh doanh Thị trường
5/2010 - 01/2011	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Phó Trưởng phòng Kinh doanh Giao nhận

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2011 - 02/2011	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Phó Trưởng phòng Kinh doanh Giao nhận
03/2011 - 02/2013	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Trưởng phòng Kinh doanh Giao nhận
03/2013 - 01/2015	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung	Phó Trưởng phòng Kinh doanh
02/2015 - 14/4/2016	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung	Trưởng phòng Kinh doanh
15/4/2016 - 17/6/2018	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Trưởng phòng Kinh doanh
18/6/2018 - 30/9/2019	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Trưởng phòng Kế hoạch Điều độ
01/10/2019 - 30/04/2020	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Trưởng phòng Kinh doanh
01/5/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Giám đốc
10/01/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc

3. ÔNG: TẠ QUỐC PHƯƠNG

- Ngày sinh: 19/09/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số:
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành QTKD
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2000 - 06/2001	Xí nghiệp Công trình Khí (Vũng Tàu)	Chuyên viên
07/2001 - 08/2007	Công ty CP kinh doanh khí hoá lỏng miền Bắc	Chuyên viên thị trường
09/2007 - 01/2010	Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hoá lỏng Hà Nội	Phó Quản đốc Trạm nạp LPG HN
01/2010 - 03/2011	Công ty CP Năng Lượng Đất Việt	Giám đốc Kinh doanh
04/2011 - 03/2012	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung	Phó phòng Kinh doanh
04/2012 - 03/2016	Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung tại Đắk Lắk	Trưởng Chi nhánh
04/2016 - 08/2020	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung	Trưởng Phòng Kinh doanh
Từ 08/2020 - Nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung	Phó Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung

II. DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN BÀU BAN KIỂM SOÁT

1. BÀ: ĐÀO THỊ KIM ANH

- Ngày sinh: 10/02/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số:
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2003	Công ty TNHH kính mắt Bảo Quang chi nhánh tại Hà Nội	Phụ trách kế toán
3/2003 - 8/2008	Công ty Cổ phần kính mắt TP. Hồ Chí Minh	Kế toán trưởng
9/2008 - 12/2010	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Kiểm soát viên chuyên trách
12/2010 đến nay	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ
02/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Trưởng ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP; Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

2. BÀ: ĐỖ THỊ MINH TÂM

- Ngày sinh: 08/06/1987
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số:
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/2009 - 01/2011	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Nhân viên Phòng Kinh doanh Giao nhận
01/2011 - 02/2011	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Nhân viên Phòng Kinh doanh Giao nhận
02/2011 - 11/2015	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Chuyên viên Phòng Kinh doanh Giao nhận
11/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Chuyên viên Phòng Kinh doanh
04/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc; Chuyên viên phòng Kinh doanh.

3. BÀ: NGUYỄN TRÀ MY

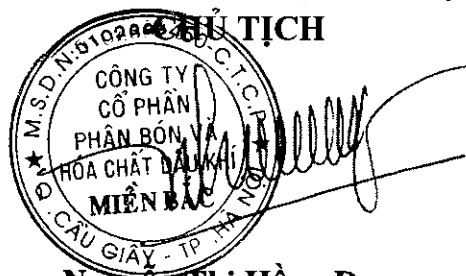
- Ngày sinh: 12/12/1984
- Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số:
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2008 - 01/2011	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Nhân viên Phòng Kinh doanh Giao nhận
02/2011 - 05/2011	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Nhân viên Phòng Kinh doanh Giao nhận
05/2011 - 03/2015	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Chuyên viên Phòng Kinh doanh Giao nhận
12/2013 - 09/2014	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Chuyên viên Phòng Kinh doanh
03/2015 - 09/2019	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Điều độ
10/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính
10/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc; Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Hồng Dung